**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG**

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

**I. Về việc gửi và nhận ý kiến góp ý của các đơn vị**

Ngày 15/5/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1354/BKHCN-TĐC gửi lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương, VCCI, các Hiệp hội, Hội với thời hạn góp ý là trước ngày 05/6/2023 đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ngày 19/6/2023 đã có Công văn số 1887/BKHCN-TĐC đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến góp ý, thời hạn là trước ngày 30/6/2023. Đồng thời, đã tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp tại 02 Hội thảo (tổ chức tại Tp.Hồ Chí Minh ngày 22/6/2023 và ngày 12/7/2023 tại Hà Nội).

**1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ:**

- Đã nhận được góp ý của **25** các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Chưa nhận được góp ý của **04** cơ quan (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Văn phòng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam).

**2. Hiệp hội, hội:**

- Đã nhận được góp ý của **06** Hiệp hội, hội (Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam; Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Hội Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam; Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam).

- Chưa nhận được góp ý của **03 hiệp hội** (Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam; Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội da giầy, túi xách Việt Nam).

**3. Đã nhận được ý kiến góp ý của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)**

**4. Các tỉnh, thành phố:**

- Đã nhận được góp ý của **57/63** các tỉnh, thành.

- Chưa nhận được góp ý của **06/63** tỉnh, thành phố (Sơn La, Hà Nội, Quảng Nam, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre).

**II. Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, VCCI, các Hiệp hội, Hội:**

(Nội dung tiếp thu ý kiến góp ý được nêu tại Phụ lục kèm theo).

**PHỤ LỤC**

**Chi tiết ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH**

| STT | Tên cơ quan,  đơn vị góp ý | Điều khoản | Nội dung góp ý cụ thể | Nội dung giải trình, tiếp thu |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Nhất trí hoàn toàn với hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH | | | |
|  | Ủy ban dân tộc, BHXH Việt Nam, Bộ LĐTBXH, Đài tiếng nói VN, Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thông tấn xã VN, Đài Truyền hình Việt Nam, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Thuận, Bắc Giang, Cao Bằng, Hòa Bình, Lai Châu, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Nình Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Hậu Giang, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Hà Giang, Lào Cai *(35 cơ quan)* |  | Nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH. | Nhất trí |
| II | Dự thảo Tờ trình | | | |
|  | Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Phú Yên | Góp ý chung | Đề nghị điều chỉnh: Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH: cho phù hợp với điều chỉnh của dự kiến Đề cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | Tiếp thu |
|  | Bộ Công Thương | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH | Đề nghị rà soát một số nội dung đánh giá và làm rõ nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc trong thực thi Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trong đó cần xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan và quy định chưa phù hợp thực tế bổ sung vào Tờ trình để có cơ sở sửa đổi, bổ sung luật. Ví dụ: việc chồng chéo quản lý giữa các Bộ quản lý chuyên ngành là do quy định phân công quản lý tại các Luật chuyên ngành khác nhau. Vì vậy, giải pháp giải quyết thực trạng này là phải sửa đổi đồng bộ quy định tại các Luật có liên quan. Bên cạnh đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có quy định về ban hành quy chuẩn kỹ thuật liên ngành để giải quyết những chồng chéo khi có sự giao thoa giữa 02 Bộ trở lên. Tuy nhiên, thực tế hơn 15 năm thực thi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có QCVN liên ngành nào được ban hành. Điều này chứng tỏ quy định là không khả thi trên thực tế và cần được rà soát, sửa đổi. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Hà Tĩnh | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH | - Tại mục 1 phần I, những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần đưa ra những số liệu cụ thể, ví dụ điển hình để làm rõ hơn những luận điểm đưa ra.  - Tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm b mục 1.1, cần bổ sung như sau: “Việc triển khai thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông trên thị trường còn có những khó khăn như...”.  - Tại điểm b tiểu mục 1.1, cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng tập trung vào một số cơ quan đầu mối ở Trung ương và địa phương có chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vì theo quy định hiện nay việc phân công quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa chia cho hầu hết các Bộ, ngành và cơ quan chuyên môn ở địa phương, tuy nhiên thực tế hiện nay các cơ quan chuyên môn ở địa phương rất ít cơ quan có đơn vị, phòng hoặc có công chức phụ trách lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dẫn đến có nhiều nhóm sản phẩm, hàng hóa còn buông lỏng trong quản lý và kiểm tra.  - Đề nghị đánh lại số thứ tự “1.3. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” ở trang 4 thành 1.2 và tại tiêu đề tiểu mục 1.2 mục 1 phần I, cần bổ sung như sau: “Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc” nhằm phân tích sự cần thiết và nhu cầu tất yếu trong việc áp dụng truy xuất nguồn gốc trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ đó bổ sung nội dung này vào trong Luật là rất cần thiết.  - Tại mục 1.4, để xây dựng lực lượng kiểm soát viên chất lượng chính quy, chuyên nghiệp, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác kiểm tra cần quy định rõ những cơ quan, đơn vị nào ở Trung ương và địa phương được thành lập lực lượng kiểm soát viên chất lượng, số lượng kiểm soát viên chất lượng ở mỗi cơ quan, đơn vị phải bảo đảm như thế nào và xem xét người làm công tác kiểm tra an toàn thực phẩm có được gọi là lực lượng kiểm soát viên chất lượng không.  - Tại điểm a mục 1.7, theo quy định hiện nay, một doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia phải xây dựng nhiều thành phần hồ sơ, đạt nhiều tiêu chí khắt khe, qua 02 công đoạn đánh giá, thời gian đánh giá lâu, tính lan tỏa của giải thưởng và quyền lợi khi đạt giải chưa được cao, dẫn đến các doanh nghiệp chưa thực sự mặn mà trong việc tham gia. Vì vậy để nâng cao giá trị, tạo tính lan tỏa và sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục đơn giản hơn trong việc đánh giá và quy định quyền lợi của các doanh nghiệp khi tham gia và đạt giải. Trên cơ sở những ý kiến góp ý tại tờ trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp những nội dung tương ứng tại báo cáo đánh giá tác động chính sách, báo cáo tổng kết thi hành Luật, đề cương dự thảo Luật. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 2-4) | Trong mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật CLSPHH cần nêu dẫn chứng cụ thể về các bất cập vướng mắc trong việc xác định, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và phân tích rõ đây là vướng mắc bởi quy định của Luật hay là vướng mắc trong thực thi của các bộ, ngành. Đối với bất cập của công tác kiểm tra CLSPHH cần nêu rõ là thiếu các quy định của Luật về kiểm soát từ sớm, từ xa CLSPHH dẫn đến các hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu đều phải chờ kết quả đánh giá sự phù hợp đạt chất lượng mới được đưa vào nhập khẩu và đưa ra lưu thông. Mặc dù đã cải tiến đối với khoảng 90% loại hàng hóa nhóm 2 chuyển sang cho thông quan trước, kiểm tra sau nhưng nguy cơ sau thông quan thì hàng hóa không đạt chất lượng đã đưa ra lưu thông và gây hậu quả cho xã hội và người tiêu dùng. | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định là đối với các hàng hóa áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan thì sau 15 ngày phải nộp chứng chỉ chất lượng cho cơ quan kiểm tra. Đồng thời, Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN đã quy định việc xử lý đối với hàng hóa không đáp ứng quy định. Bên cạnh đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá tại nguồn và giao trách nhiệm khảo sát chất lượng cho Sở KH&CN địa phương. Việc đánh giá tại nguồn và công tác khảo sát là một trong các biện pháp để quản lý chất lượng từ sớm, từ xa |
|  | Kiên Giang | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3 trang 5) | Tại đoạn đầu, mục 1.3, trang 5, đề nghị viết lại cho phù hợp:  Việc quy định quản lý nhà nước về MSMV đã được quy định từ hơn 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg quy định nội dung quản lý nhà nước về MSMV và cơ quan quản lý nhà nước về MSMV. Để triển khai thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý MSMV” ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN)”. | Tiếp thu |
|  | Kiên Giang | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3 trang 6) | Tại đoạn 2, trang 6, đề nghị viết lại như sau:  “Từ những lý do trên, ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật CLSPHH, trong đó đã bổ sung quy định về quản lý MSMV; ngày 21/1/2022, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật CLSPHH và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường, trong đó đã bổ sung quy định quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá”. | Tiếp thu |
|  | Bắc Giang, Hải Dương, Ninh Bình  *(03 cơ quan)* | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3) | Đề nghị bổ sung thêm Thông tư số 10/2020/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sử dụng mã số, mã vạch.  Lý do: Thông tư số 10/2020/TT-BKHCN đã được ban hành và thay thế 02 văn bản (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN) đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đề cập tại nội dung này. | Tiếp thu |
| Đề nghị chỉnh sửa thứ tự mục “1.3. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” thành “1.2. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” cho phù hợp vì trong dự thảo Tờ trình có 2 mục 1.3 và không có mục 1.2. | Tiếp thu |
|  | Bộ Tài chính | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 6) về ĐGSPH | Tại khoản 5 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định đánh giá sự phù hợp bao gồm“*thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định*”, không bao gồm hoạt động kiểm định.  Trong khi đó, tại Điều 3 và Điều 25 Luật CLSPHH quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp và hoạt động đánh giá sự phù hợp thì bao gồm hoạt động kiểm định; tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp có quy định về hoạt động kiểm định. Như vậy, khái niệm đánh giá sự phù hợp chưa thống nhất giữa các văn bản nêu trên; do đó, cần rà soát để quy định thống nhất hoạt động này tại các văn bản. | Bộ KH&CN tiếp thu trong quá trình xây dựng Luật TCQCKT để thống nhất với pháp luật về chất lượng SPHH |
|  | Kiên Giang | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 11) về GTCLQG | Tại đoạn 2, trang 11, đề nghị viết lại như sau:  “… *Đặc biệt, trong đó phải kể đến các hạn chế về: Hoạt động truyền thông chưa được đẩy mạnh; những chia sẻ kinh nghiệm, giá trị từ doanh nghiệp đã đạt giải cho cộng đồng doanh nghiệp, người tiêu dùng còn chưa cao; các chính sách hỗ trợ mang tính cụ thể, thiết thực đối với doanh nghiệp tham gia và sau khi đạt giải còn nhiếu*….”. | Tiếp thu |
|  | Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam | Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 11) về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước | Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước cho 8 bộ ngành trong xuất nhập khẩu, lưu thông, nhưng lại không phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về CL SP trong sản xuất. Việc quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất lại được quy định bằng Nghị định 132/2008/NĐ-CP và Nghị định 74/2018/NĐ- CP sửa đổi bổ sung nghị định 132/2008/NĐ-CP... | Tiếp thu |
|  | Bộ Tư pháp | Tại khoản 1 mục III về phạm vi điều chỉnh (trang 16) | Dự thảo Tờ trình nêu phạm vi điều chỉnh có bố sung so với quy định hiện hành, tuy nhiên, nội dung đề xuất tại phạm vi sửa đổi phần lớn là quy định cụ thể hơn các quy định hiện hành và có bổ sung một số nội dung về NQI, quản lý chất lượng hàng hóa thông qua MSMV, đẩy mạnh chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong hoạt động kiểm tra chất lượng SPHH đối với hàng hóa nhập khẩu, hậu kiểm đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung chính sách để xác định đúng phạm vi điều chỉnh của luật. | Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể. Đồng thời, đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về phạm vi điều chỉnh của luật |
|  | Ủy ban Quản lý vốn nhà nước của doanh nghiệp | Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng | Theo mục III.1 trang 19 Tờ trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ tượng áp dụng tại Điều 2 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa: “*Luật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*”. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh dự án Luật không chỉ quy định điều kiện đối với tổ chức, cá nhân mà còn quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định đối tượng điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh. | Đề nghị bảo lưu vì đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng của luật. Tuy nhiên, sẽ rà soát nội dung này |
|  | Bộ Tư pháp | Tại khoản 1 mục III về đối tượng áp dụng (trang 19) | Theo trang 19 Tờ trình, đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng tại Điều 2 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Theo đó “*Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*". Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh dự án Luật không chỉ quy định điều kiện đối với tổ chức, cá nhân mà còn quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh SPHH và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng SPHH; quản lý chất lượng SPHH. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định đối tượng điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh. | Đề nghị bảo lưu vì đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về đối tượng áp dụng của luật. Tuy nhiên, sẽ rà soát nội dung này |
|  | Bộ Tư pháp | Tại Mục IV | Đối với mỗi giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn cần nêu rõ lý do lựa chọn giải pháp tại Mục IV dự thảo Tờ trình. Vì vậy, đề nghị cơ quan lập đề nghị hoàn thiện lại dự thảo Tờ trình theo các nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn ban quy phạm pháp luật. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV | Đề nghị xây dựng Luật đề xuất 7 chính sách. Về cơ bản, các chính sách đã được đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chỉnh, hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/ND-CP). Tuy nhiên, một số nội dung sửa đổi được xác định là chính sách nhưng chỉ là giải pháp thực hiện chính sách hiện hành hoặc tên gọi và nội dung chính sách chưa phù hợp, ví dụ như: Chính sách 1: sửa đổi, bổ sung quy định về xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành; Chính sách 2: sửa đổi, bổ sung nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch; Chính sách 3: sửa đổi, bổ sung về hoạt động đánh giá sự phù hợp... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xác định chỉnh sách mới cần sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật để đề xuất cho phù hợp. | Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Tại trang 19 Tờ trình, đưa ra nội dung chính sách “sửa đổi theo hướng mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa là các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương theo tình hình thực tiễn". Tuy nhiên, giải pháp thực hiện chưa rõ là sẽ mở rộng như thế nào, có làm tăng trách nhiệm cho các cơ quan hiện nay hay tăng tổ chức biên chế để thực hiện hay không. Do nội dung chính sách, giải pháp thực hiện chính sách chưa cụ thể nên tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách chưa đánh giá toàn điện được tác động tích cực, tiêu cực đối với nhà nước (tổ chức, bộ máy, con người, ngân sách cho việc thực hiện nhiệm vụ). | Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên |
|  | Bộ Tài chính | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Tại khoản 16 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định cơ quan kiểm tra chất lượng là cơ quan nhà nước (cơ quan được phân công, phân cấp thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Tuy nhiên, hiện nay, một số Bộ, ngành ủy quyền cho các Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp và kiểm tra nhà nước về chất lượng (cấp Thông báo kết quả kiểm tra) như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với mặt hàng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.  Thực tế triển khai nêu trên tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng không phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và gây bất cập vì kiểm tra nhà nước về chất lượng là một thủ tục hành chính, việc thực hiện phải phù hợp với quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính; không có cơ sở pháp lý cho việc ủy quyền; không rõ cơ chế giải quyết trong trường hợp người nhập khẩu không đồng ý với kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định; phát sinh trường hợp tổ chức được ủy quyền vừa đánh giá sự phù hợp, vừa thực hiện kiểm tra chuyên ngành và cấp 02 loại giấy (kết quả đánh giá sự phù hợp và Thông báo kết quả kiểm tra) cho cùng một lô hàng.  Để thống nhất thực hiện, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét việc sửa đổi quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng cho phép các tổ chức đánh giá sự phù hợp được tham gia vào hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng trong vai trò xã hội hóa một số hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước hoặc quy định hàng hóa chỉ cần đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra chất lượng chỉ thực hiện khi cần thiết (khi có cảnh báo về chất lượng của hàng hóa, đối với hàng hóa có độ rủi ro cao hoặc đối với lô hàng của doanh nghiệp không chấp hành tốt pháp luật về chất lượng hàng hóa). | Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên |
|  | Bộ Công Thương | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | - Xác định sản phẩm, hàng hóa nhóm 2:  Việc sửa đổi quy định xác định sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có khả năng gây mất an toàn là cần thiết để đáp ứng thực tế quản lý hiện nay. Tuy nhiên, cần làm rõ tiêu chí xác định một cách cụ thể để giải quyết chồng chéo, vướng mắc như: các sản phẩm đặc thù quy định tại các Luật chuyên ngành. Ví dụ: thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo Luật An toàn vệ sinh lao động có thuộc phạm vi điểu chỉnh của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa có thể xác định là hàng hóa nhóm 2 không? Bên cạnh đó, việc đưa các loại hàng hóa này vào Danh mục hàng hóa nhóm 2 đang gây ra những vướng mắc liên quan đến áp dụng các biện pháp quản lý của hàng hóa nhóm 2 (chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước...) tại Luật Chất lượng SPHH, không phù hợp với biện pháp quản lý quy định tại Luật chuyên ngành (kiểm định kỹ thuật an toàn tại Luật An toàn vệ sinh lao động, công bố sản phẩm tại Luật ATTP).  Các quy định không thống nhất, đồng bộ dẫn đến thực tế triển khai không khả thi, gây vướng mắc cho cả cơ quan kiểm tra lẫn doanh nghiệp. Thực tế, các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt thưởng là sản phẩm đồng bộ, không thể thực hiện biện pháp quản lý về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trong thời gian quy định (sau 15 ngày), hơn nữa sản phẩm vừa phải thực hiện việc kiểm định, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng SPHH vừa phải thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo Luật An toàn vệ sinh lao động gây ra sự lãng phí và bất cập. | - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có quy định các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động là sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đồng thời, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng quy định an toàn thực phẩm đối với từng sản phẩm thực phẩm cụ thể thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ NNPTNT. Bộ KH&CN nghiên cứu tiếp thu để đề xuất bổ sung các nội dung nêu trên vào quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong dự thảo luật |
|  | Bộ Tài chính | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Tại Điều 68 và Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết Luật quy định phân công trách nhiệm các Bộ, ngành quản lý chất lượng đối với từng hàng hóa nhóm 2 (Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn). Tuy nhiên, hiện nay, có Bộ không ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 như Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế. Hàng hóa của 02 Bộ nêu trên như thực phẩm, thuốc, dược liệu, hàng hóa phục vụ quốc phòng… là hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhưng được quản lý theo quy định của các Luật chuyên ngành khác. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá tổng thể để xem xét việc loại trừ những hàng hóa không cần phải điều chỉnh bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | Khoản 2 Điều 1 trong Đề cương đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 theo hướng quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định những sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 cần căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa (mức độ rủi ro) và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. Căn cứ vào nội dung này các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ xác định các sản phẩm, hàng hóa nào thuộc nhóm 2 |
|  | Bộ Tài chính | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Về tỷ lệ, mức độ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu:  - Quy định về tỉ lệ kiểm tra chất lượng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu chưa phù hợp, quá mức cần thiết:  Theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì việc đánh giá chất lượng của hàng hóa là việc kiểm tra hàng hóa có đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay không, không phải là đánh giá, kiểm tra hàng hóa gắn với nhà nhập khẩu.  Tuy nhiên hiện nay, theo quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật thì việc kiểm tra chất lượng hàng hóa gắn với nhà nhập khẩu. Theo đó, cùng một mặt hàng nhập khẩu giống nhau về chủng loại, nhà sản xuất, xuất xứ, kiểu dáng, model..., mỗi nhà nhập khẩu đều phải thực hiện thủ tục kiểm tra, thậm chí đa số hàng hóa phải thực hiện thủ tục chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy từng lần nhập khẩu, áp dụng đối với từng nhà nhập khẩu. Quy định kiểm tra chất lượng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với từng lô hàng gắn với người nhập khẩu dẫn đến tỷ lệ kiểm tra cao, gây tốn kém chi phí và thời gian cho doanh nghiệp nhưng trong thực tế tỷ lệ phát hiện vi phạm lại rất thấp.  - Chưa áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực:  Tại khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa triển khai quy định này dẫn đến nhiều hàng hóa của các thương hiệu lớn, được sản xuất từ các nước hoặc các cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhưng vẫn phải áp dụng chế độ kiểm tra như hàng hóa thông thường.  Để giảm tỉ lệ kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước đối với chất lượng hàng hóa theo yêu cầu, chủ trương cải cách mạnh mẽ công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Chính phủ, đề nghị bổ sung thống nhất quy định về việc áp dụng một cách đầy đủ, toàn diện nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại dự thảo Luật, cụ thể:  - Quy định chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo hàng hóa, không phân biệt nhà nhập khẩu, theo đó, doanh nghiệp nhập khẩu được sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng của lần nhập khẩu trước để được miễn, giảm kiểm tra, không phải kiểm tra từng lần nhập khẩu; Đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp để áp dụng biện pháp và mức độ kiểm tra phù hợp;  - Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra sau khi hàng hóa đã thông quan, trong quá trình lưu thông, sản xuất;  - Các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp, chia sẻ thông tin để đảm bảo quản lý chặt chẽ, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm;  - Thừa nhận chất lượng của những hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực để được áp dụng chế độ miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | 1. Theo Bộ KH&CN, việc quy định chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo hàng hóa, không phân biệt nhà nhập khẩu (theo đó, doanh nghiệp nhập khẩu được sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng của lần nhập khẩu trước để được miễn, giảm kiểm tra, không phải kiểm tra từng lần nhập khẩu) là chưa phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và thông lệ quốc tế, cụ thể:  - Quy định này chưa phù hợp với pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định của quốc tế. Lý do: theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì căn cứ để công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy. Phương thức đánh giá sự phù hợp được quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN bao gồm 08 phương thức và phù hợp với quy định tại tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17067. Theo đó, đối với các phương thức chứng nhận có đánh giá quá trình sản xuất thì giấy chứng nhận hợp quy có giá trị 03 năm và trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận hợp quy thì có hoạt động giám sát sau chứng nhận (không quá 12 tháng/lần). Trường hợp giấy chứng nhận hợp quy có giá trị 03 năm thì bản công bố hợp quy tương ứng cũng có giá trị 03 năm.  - Đồng thời, doanh nghiệp nào nhập khẩu thì doanh nghiệp đó phải chịu trách nhiệm về chất lượng và ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do mình nhập khẩu. Ngoài ra, không phù hợp theo nguyên tắc và thông lệ quốc tế, khi không đánh giá được điều kiện sản xuất và đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa thì với một dòng sản phẩm được phân định ra thành nhiều lô hàng trong thực tế, chất lượng của các lô hàng khác nhau là khác nhau và không thể xem như có tính chất đồng nhất. Vì vậy, không thể gắn lô hàng của doanh nghiệp này với lô hàng của doanh nghiệp khác.  - Bên cạnh đó, việc cải cách đối với hàng hoá nhập khẩu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Tuy nhiên, sẽ dẫn đến bất bình đẳng đối với hàng sản xuất trong nước, khi vẫn phải áp dụng các biện pháp quản lý chặt hơn hàng nhập khẩu. Điều này sẽ dẫn đến kìm hãm sản xuất trong nước. Điều này chưa phù hợp với Hiệp định TBT/WTO (*Không được phân biệt đối xử giữa hàng sản xuất trong nước với hàng hoá nhập khẩu*).  2. Khoản 4 Điều 27 Luật CLSPHH quy định: “*Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực*”. Như vậy, việc miễn giảm này chỉ áp dụng trong các trường hợp cụ thể do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định, không quy định áp dụng chung cho tất cả các loại sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu nên ý kiến của Bộ Tài chính về việc chưa áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực viện dẫn quy định này là không phù hợp.  Bên cạnh đó, điểm c khoản 2 Điều 36 quy định các Bộ, ngành quy định hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực để xác định hàng hóa được miễn kiểm tra. Việc áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực là quyền của doanh nghiệp. Do đó, tùy thuộc quy mô, loại hình kinh doanh, doanh nghiệp sẽ lựa chọn áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến phù hợp và khi đó cơ quan quản lý sẽ quyết định việc áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu. Vì vậy không thể quy định cụ thể nội dung này. |
|  | Bộ Công Thương | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | - Về hoạt động kiểm tra chuyên ngành  Việc sửa đổi Luật Chất lượng SPHH cần quy định rõ và thống nhất về một số thuật ngữ sau đây:  + Kiểm tra chuyên ngành và kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: Cần thống nhất dùng một thuật ngữ để tránh hiểu nhầm hoạt động kiểm tra chuyên ngành là hoạt động tách rời. Ngay tại dự thảo Tờ trình, Quý Bộ đang sử dụng cả 2 thuật ngữ này (mục IV, 1 chính sách 1) để đề cập đến cùng một hoạt động. Trong khi đó, hệ thống Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chỉ dùng khái niệm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời, cũng cần cân nhắc thống nhất khái niệm này với các thuật ngữ tương tự tại Luật khác như Luật Hải quan, Luật ATTP về cùng hoạt động này.  + Tiền kiểm và hậu kiểm: Hiện nay chưa có quy định chính thức về 02 khái niệm này. Tuy nhiên, trong các văn bản chỉ đạo điều hành, thuật ngữ tiền kiểm, hậu kiểm được sử dụng rất nhiều nhưng chưa có cách hiểu thống nhất. Bên cạnh đó, thuật ngữ này đôi lúc được hiểu như biện pháp trước thông quan và sau thông quan. Vì vậy, cần luật hóa các thuật ngữ này theo cách hiểu của thông lệ quốc tế. Ví dụ: hậu kiểm (post- market surveillance) là hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa sau khi lưu thông trên thị trường (không phải sau thông quan). Điều này cũng nhằm nội luật hóa cam kết tại hiệp định CPTPP liên quan đến khái niệm hậu kiểm. | - Nghiên cứu tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ chỉnh sửa, thống nhất sử dụng thuật ngữ “kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa”  - Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn luật |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Tại Phần IV Mục 1.3 Giải pháp thực hiện (trang 20) đối với “Chính sách 1: Sửa đổi quy định về xác định SPHH có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành", để nghị bổ sung giải pháp thực hiện: Thực hiện quản lý, giảm sát, kiểm tra, xử lý hàng hóa trên môi trường không gian mạng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong hoạt động mua sắm trực tuyến.”  Lý do: mặc dù công tác kiểm tra, xử lý đã được các lực lượng chức năng triển khai thực hiện có hiệu quả, song vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong kiểm tra, xử lý hàng hóa trên môi trường không gian mạng. Vì vậy cần có giải pháp để kiểm soát tốt môi trường không gian mạng tránh gây thiệt hại cho người tiêu dùng và cho nền kinh tế. Trong bối cảnh ứng dụng thương mại điện tử gắn với tiến bộ công nghệ mới về thương mại điện tử trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cần đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thanh kiểm tra, kiểm soát hoạt động lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.” | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Xây dựng | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1) | Hiện nay các Bộ, ngành hiểu chưa thống nhất trong việc xác định SPHH nhóm 2 dẫn đến triển khai chưa sát với thực tế. | Tiếp thu, bổ sung ý này vào chính sách 1 |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Về các chính sách trong Mục IV (trang 19) về mở rộng cơ quan kiểm tra | Tại Chương 6 Luật CLSPHH “Trách nhiệm quân lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa”, đề nghị xem xét bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực cụ thể.  Lý do: Hiện nay, để bảo đảm chất lượng SPHH đề xuất xem xét bổ sung quy định mở rộng cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chất lượng SPHH. Cụ thể, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn TP.HCM, trong đó có liên quan đến việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa là thực phẩm được sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh,... trên địa bàn. Do đó, văn bản quy phạm pháp luật cần mở rộng cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để bảo đảm việc thực thi pháp luật theo quy định. | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 2) | Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch. Tuy nhiên, tên gọi của chính sách lại chính là nội dung sửa đổi, bổ sung là chưa hợp lý; nội dung chính sách, giải pháp chính sách chưa cụ thể nên đánh giá tác động chưa đầy đủ, đặc biệt là tác động đến đối tượng chịu sự tác động của văn bản là các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. | Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể. Đồng thời, tại nội dung đánh giá tác động đã đánh giá tác động đến đối tượng là các tổ chức, cá nhân (bao hàm cả các tổ chức, cá nhân SXKD). Bộ KH&CN chỉnh sửa theo hướng là “Bổ sung nội dung về ứng dụng mã số mã vạch trong việc giám sát, quản lý chất lượng” |
|  | Thừa Thiên Huế | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 2) | Đối với Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Đề cương chi tiết Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị nghiên cứu và xem xét một số nội dung như sau:  - Mục 2. Chính sách 2: Bổ sung nội dung về quản lý chất lượng SPHH dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch: cần nêu thẩm quyền, vai trò của các cơ quan quản lý, cung cấp mã số, mã vạch vì nội dung này liên quan đến nhà sản xuất, bản lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng.  - Điểm b, tiểu mục 2.2.3. Giải pháp thực hiện của Mục 2. Chính sách 2: Bổ sung Điều 7b về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch là chưa phù hợp với quy định tại Điều 7 của Luật hiện hành; tương tự với Điểm b, tiểu mục 6.3, của Mục 6. Chính sách 6: Bổ sung nội dung quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI);  - Nên xem xét lồng ghép nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch vào NQI qua đó thống nhất phân cấp và thẩm quyền quản lý. | - Tại mục 2.3 về giải pháp thực hiện đã đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, người bán hàng, người tiêu dùng, của cơ quan quản lý trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.  - Bổ sung Điều 7a và 7b là độc lập với Điều 7 trong Luật CLSPHH.  - Đề nghị bảo lưu, Bộ KH&CN nghiên cứu, lồng ghép nội dung về NQI trong việc triển khai các Hiệp định đã ký kết vì NQI và mã số, mã vạch là 2 có nội hàm khác nhau. |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 3) | Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất thay đổi cách thức quản lý các tổ chức đánh giá sự phù hợp cho phù hợp với thực tế và hội nhập quốc tế, theo đó tổ chức đánh giá sự phù hợp tự công bố năng lực phù hợp với điều kiện do cơ quan quản lý nhà nước quy định trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cơ quan quản lý nhà nước sẽ hậu kiểm. Nội dung chính sách đưa ra nhằm giải quyết việc hạn chế chồng chéo về quản lý giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tránh trường hợp tổ chức ĐGSPH bị tiến hành đánh giá năng lực nhiều lần, gây tốn kém, lãng phí cho xã hội. Tuy nhiên, theo Luật CLSPHH thì sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được thực hiện ĐGSPH bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Theo đó thì việc chỉ định sẽ hạn chế việc thực hiện đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phủ hợp đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Trong giải pháp thực hiện không rõ các tổ chức được chỉ định như thế nào. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ hệ quả pháp lý sau hậu kiểm khi các tổ chức này không đảm bảo điều kiện. | Hiện nay, việc chỉ định tổ chức ĐGSPH được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Theo quy định tại 02 Nghị định này thì các tổ chức ĐGSPH đáp ứng điều kiện sẽ được xem xét, chỉ định. Bộ KH&CN sẽ bổ sung nội dung này trong giải pháp thực hiện |
|  | Bộ Ngoại giao | Về các chính sách trong Mục IV (khoản 3.3) | Cân nhắc thêm về việc sửa quy định tại điểm d khoản 5 Điều 25 và làm rõ cách thức sửa đổi do việc quy định điều kiện riêng đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp ở nước ngoài có khả năng trái với quy định của Hiệp định CPTPP. Điều 8.6 Hiệp định CPTPP quy định các nước phải dành cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của nước thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của mình. | Tiếp thu, Bộ KH&CN đã nghiên cứu các quy định tại các Hiệp định đã ký kết nên sẽ đề xuất quy định theo đúng cam kết tại các Hiệp định |
|  | Bộ Giao thông vận tải | Về các chính sách trong Mục IV (chính sách 3) dự thảo Tờ trình liên quan tới quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp, cũng như tại mục 17 của Đề cương dự thảo sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 25 | Đề nghị cân nhắc nghiên cứu bổ sung cơ chế để cho phép công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã hoạt động với lịch sử lâu dài, đã thực hiện công tác đánh giá sự phù hợp cho các sản phẩm trên toàn thế giới, đã được quốc tế thừa nhận vì sẽ xuất hiện trường hợp một số tổ chức không thể thực hiện thủ tục về hồ sơ công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp (ví dụ các tổ chức phân cấp quốc tế thuộc Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS) có thực hiện chứng nhận các sản phẩm, vật liệu và máy móc, phương tiện… hay như các Tổ chức được chỉ định của EU (các Notified Body) chứng nhận sản phẩm để gắn nhãn CE); các nhà sản xuất sản phẩm trên thế giới đã được đánh giá, chứng nhận bởi các tổ chức, vì vậy nên có cơ chế để được công nhận chất lượng hoặc có thủ tục đơn giản để kiểm tra chất lượng. | Nghiên cứu tiếp thu, việc thừa nhận thực hiện theo các Hiệp định đã ký kết |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 4) | Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định về vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng, chế độ chính sách cho lực lượng này. Một trong các giải pháp cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra là bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính cho kiểm soát viên chất lượng. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 4 Luật XLVPHC giao Chính phủ quy định. Hành vi vi phạm hành chính, hành vi về vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính: việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực QLNN. Hiện nay, các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Vì vậy, đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Luật này.  Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy HCNN tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định: “Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; trường hợp cần thiết thì phải có quy trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ để Quốc hội, Ủy ban TVQH có cơ sở xem xét, quyết định”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ sự phù hợp của nội dung chính sách với chủ trương nêu trên. | Bộ KH&CN nghiên cứu, tiếp thu theo hướng đề nghị giao Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho kiểm soát viên chất lượng.  Nội dung này sửa đổi các nội dung đã quy định trong luật, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của kiểm soát viên chất lượng, không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 5) | Chính sách có tên “Thực hiện cam kết trong Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP”. Tuy nhiên, Bộ TP cho rằng, cần làm rõ những cam kết tại các Hiệp định nêu trên để xác định các chính sách cụ thể. Đề nghị xác định lại tên gọi chính sách này cho phù hợp. Bên cạnh đó, nội dung chính sách và giải pháp thực hiện chính sách còn chung chung. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung cam kết của VN tại các Hiệp định có liên quan và nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể mà không chung chung như hiện nay. | Nghiên cứu tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ rà soát lại |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 6) | Bổ sung nội dung quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia. Đây là vấn đề mới nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm của “Hạ tầng chất lượng quốc gia” để từ đó nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp | Nghiên cứu tiếp thu, sẽ làm rõ hơn trong báo cáo đánh giá tác động |
|  | Bộ Tư pháp | Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 7) | Chính sách 7 là sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan khác tại Luật CLSPHH để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và thông lệ quốc tế. Trường hợp sửa đổi, bổ sung không phát sinh chính sách mới thì đề nghị bỏ chính sách này. | Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể. |
|  | Bộ Xây dựng | Về các chính sách trong Mục IV (trang 27) về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước | Về trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành: đề nghị cần quy định rõ, khi có sản phẩm, lĩnh vực có sự giao thoa giữa các Bộ, ngành cần đưa ra cơ chế phối hợp và cần quy định đơn vị nào chịu trách nhiệm. | Khoản 5 Điều 32 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP đã quy định “trong trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp về lĩnh vực được phân công giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoặc xuất hiện các lĩnh vực mới theo quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này, Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Do đó, Bộ KH&CN nghiên cứu, tiếp thu nội dung nêu trên trong quá trình xây dựng luật |
|  | Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam | Về các chính sách trong Mục IV (trang 27) về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước | Trong việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về CLHH xuất nhập khẩu, lưu thông không có quy định giao Bộ Tài chính, nhưng Bộ Tài chính vẫn đang xây dựng đề án giao Tổng cục Hải quan thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành về CLHH nhập khẩu. | Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên |
|  | Bộ Công Thương | Về các chính sách trong Mục IV (trang 28) về thương mại điện tử | Tại dự thảo có nội dung “d) bổ sung quy định về quản lý chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử”. Về cơ bản, Bộ Công Thương nhất trí với chính sách này và đề xuất tiếp tục rà soát, nghiên cứu để bổ sung quy định một cách phù hợp. Về nguyên tắc, thương mại điện tử chỉ là phương thức để kinh doanh sản phẩm, hàng hóa. Trong khi đó, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần thực hiện theo các quy định của Luật chuyên ngành. Hoạt động quản lý chất lượng SPHH trên môi trường điện tử bản chất là quản lý thông tin đăng tải /hiện thị về các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa và quy định về trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến hoạt động đăng tải thông tin sản phẩm, hàng hóa đó. Do đó, đề nghị chính sách cần cụ thể hóa nội dung, tập trung các vấn đề liên quan đến việc quản lý thông tin về các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa trên không gian mạng.  Để tránh chồng chéo và đảm bảo thống nhất quy định pháp luật về quản lý nhà nước trên không gian mạng, đề nghị Quý Bộ rà soát với quy định tại Luật sửa đổi Luật Bảo vệ người tiêu dùng và dự án Luật Giao dịch điện tử đang trình Quốc hội. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Tài chính, Hưng Yên | Điểm e khoản 1.7 Mục I và điểm d khoản 7.3 mục IV | Đề nghị thống nhất về nội dung bỏ quy định về lệ phí  Cụ thể: Tại mục I.1.7.e nêu “...cần nghiên cứu bỏ quy định về lệ phí tại Điều 37 và Điều 44 Luật CLSPHH để thống nhất với Luật Phí và lệ phí.”. Nhưng tại mục IV.7.3.d lại chỉ đề cập đến “...bãi bỏ nội dung “Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37”...”. Trong dự thảo Đề cương chi tiết (Khoản 26 Điều 1) cũng chỉ đề cập đến sửa đổi, bổ sung Điều 37. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Tại Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, tại khoản 26 Điều 1 dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Luật quy định bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 37 để thống nhất với Luật Phí và lệ phí. Qua rà soát, tại khoản 15 Điều 12, khoản 7 Điều 19 và Điều 44 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa vẫn còn quy định về lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu*.* Do đó, đề nghị bổ sung quy định bãi bỏ các khoản 15 Điều 12, khoản 7 Điều 19 và Điều 44 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại dự thảo Luật. | Nghiên cứu tiếp thu |
| Điểm e khoản 1.7 Mục I | Về quy định liên quan đến phí, lệ phí tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị bổ sung nội dung quy định về lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với Thông tư số 183/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. | Nội dung về lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa đã được quy định tại pháp luật về phí và lệ phí thì sẽ không cần thiết bổ sung trong Luật CLSPHH |
| Điểm d khoản 7.3 mục IV | Đề nghị viết rõ hơn về “chi phí chứng nhận” trong nội dung: “Đồng thời, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.” Lý do: Điều 58 của Luật CLSPHH chỉ đề cập đến “...chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hoặc giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa tranh chấp cho người khiếu nại, khởi kiện”. | Chi phí chứng nhận là chi phí trả cho tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm. Nghiên cứu tiếp thu theo hướng không bổ sung hoạt động chứng nhận để giải quyết khiếu nại, khởi kiện |
|  | Đối với quy định về xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý vi phạm hành chính bao gồm quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính được quy định theo hệ thống Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, để bảo đảm thống nhất giữa các luật, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, bỏ các nội dung liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính tại hồ sơ dự thảo Luật (khoản 27, khoản 29, khoản 31, khoản 33 Điều 1) | Tiếp thu |
|  | Bộ Ngoại giao | Phụ lục V | Cân nhắc xây dựng một bảng riêng, chỉ đánh giá tính tương thích của Luật CLSPHH với các FTA. Hiện nay, Phụ lục đang đánh giá tính thương thích của các FTA với một loạt văn bản Luật như Luật CLSPHH, Luật TCQCKT và các văn bản quy định chi tiết các luật này rà soát, cân nhắc sự cần thiết. | Tiếp thu |
|  | Vĩnh Long, Kiên Giang, An Giang  *(03 cơ quan)* | Rà soát lỗi kỹ thuật, cụm từ viết tắt, sử dụng cụm từ, rà soát dự thảo | - Tại trang 1 Mục I Dự thảo Tờ trình, có đoạn: “Các VBQPPL …, tạo sự thống nhất và động bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng SPHH”. Đề nghị sửa lại là: *“Các văn bản quy phạm pháp luật…, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa”*. *Lý do*: lỗi kỹ thuật.  - Đề nghị rà soát các cụm từ đã viết tắt và thống nhất trong toàn bộ nội dung văn bản như: Mã số mã vạch (MSMV), Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Luật CLSPHH), Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG),….  - Các phần nội dung hồ sơ: Đề nghị thay đổi cụm từ *“Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”* thành cụm từ *“Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”*.  - Đối với các dự thảo còn lại, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với dự thảo Tờ trình đã góp ý. | Tiếp thu |
| III | Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách | | | |
|  | Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | An Giang | Tên báo cáo | Tên báo cáo đề nghị thực hiện theo mẫu số 01, phụ lục V, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | Bình Định | Đề xuất lựa chọn Phương án | Trên cơ sở Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện, thống nhất với đề xuất lựa chọn Phương án 2 của Bộ Khoa học và Công nghệ vì đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thực tế, thông lệ quốc tế, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa,… | Nhất trí |
|  | Bộ Tư pháp | Đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách | Đề nghị cơ quan lập Đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Theo đó, cơ quan lập Đề nghị xây dựng Luật cần làm rõ nội hàm từng chính sách, nghiên cứu đưa thêm các phương án trong từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án để đảm bảo tỉnh khách quan trong việc lựa chọn phương án phù hợp. Mỗi chính sách đề nghị cần phải đảm bảo đủ 05 nội dung chính, gồm: (i) Xác định vấn đề bất cập, (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề: (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: (v) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan và (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về TTHC, về hệ thống pháp luật. Ngoài ra, cơ quan lập đề nghị xây dựng luật cần làm rõ nội hàm của từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án để lựa chọn được phương án tối ưu. | Tiếp thu |
|  | Bộ VHTTDL, Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam  *(02 cơ quan)* | Phần 1. Bối cảnh xây dựng chính sách | - Rà soát lại nội dung phần “1. Xác định vấn đề bất cập tổng quan” (phần này có nhiều nội dung trùng lặp với Báo cáo tổng kết thi hành Luật). Cần tập trung vào tìm một chính sách và phân tích đánh giá tác động của từng chính sách một cách sâu sắc, rõ ràng hơn.  - Đề nghị chỉnh sửa nội dung của Phần 1. Bối cảnh xây dựng chính sách theo hướng không nêu lặp lại những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phần này vì tại Phần II. Đánh giá tác động chính sách đã nêu nội dung này (nội dung những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng trùng lặp với nội dung tại dự thảo Tờ trình) | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bà Rịa - Vũng Tàu  *(03 cơ quan)* | Chính sách 1 | - Đề nghị đánh giá cụ thể và phương hướng xử lý đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý tránh lồng ghép, quy định các điều kiện kinh doanh trong các quy chuẩn kỹ thuật. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bà Rịa - Vũng Tàu  *(03 cơ quan)* | Chính sách 1 | - Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 đang quy định thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc về các Bộ. Danh mục này rất quan trọng đối với các doanh nghiệp vì nó ảnh hưởng đến quyền kinh doanh tự do của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng các danh mục hàng hóa nhóm 2 của các Bộ có sự giao thoa, chồng chéo khiến cho cùng một mặt hàng của doanh nghiệp phải chịu sự quản lý của nhiều Bộ, phải thực hiện nhiều lần kiểm tra. Đồng thời, Báo cáo tổng kết thi hành Luật CLSPHH cũng chỉ ra tình trạng nhiều hàng hóa được đưa vào danh mục nhóm 2 nhưng không có mã hồ sơ đi kèm, không có quy chuẩn kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, có biện pháp kiểm soát danh mục hàng hóa nhóm 2 một cách chặt chẽ, nhằm nâng cao chất lượng của quy định, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí không cần thiết trong việc kiểm tra trùng lập.  - Đề nghị Bộ KHCN xem xét, sửa đổi bổ sung đối với chính sách 1: “Sửa đổi quy định về xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành”, cụ thể: trong hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH khi nhập khẩu, đề nghị giao cơ quan hải quan tại cửa khẩu chủ động thực hiện việc kiểm tra nhà nước và xác nhận cho người đăng ký nhập khẩu được thông quan trên cơ sở người nhập khẩu cung cấp đầy đủ hồ sơ về SPHH nhập khẩu để giảm thiểu TTHC cho người nhập khẩu, giảm chi phí lưu giữ tại cảng/cửa khẩu cho doanh nghiệp; đồng thời bổ sung quy định căn cứ vào khả năng gây mất an toàn của hàng hoá để áp dụng biện pháp kiểm tra nhà nước theo hình thức hậu kiểm (thông qua việc kiểm tra chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trước khi lưu thông hàng hóa trong nước theo quy định). | - Nội dung này đã được Bộ KH&CN đánh giá tác động và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất  - Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp |
|  | Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp | Chính sách 2 | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc tên gọi và nội dung của chính sách cho phù hợp thống nhất | Tiếp thu |
|  | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Chính sách 4 | Về bổ sung thêm vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng, đặc biệt là chế độ, chính sách cho lực lượng này và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính: đề nghị làm rõ tác động chính sách của việc quy định thêm vị trí và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của kiểm soát viên chất lượng tại các bộ ngành (có bắt buộc phải có riêng đội ngũ kiểm soát viên chất lượng SPHH tại mỗi bộ, ngành; căn cứ bổ sung thẩm quyền xử lý VPHC cho kiểm soát viên chất lượng) | Nội dung này đã được Bộ KH&CN đánh giá tác động, nêu rõ những tác động tiêu cực, tích cực khi bổ sung thêm vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng |
|  | Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp | Chính sách 5 | Đề nghị nghiên cứu cân nhắc tên gọi của chính sách để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với nội dung, đồng thời nghiên cứu làm rõ những cam kết tại các Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP để xây dựng các chính sách và giải pháp cụ thể. | Tiếp thu |
|  | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Chính sách 7 (Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước) | Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể, thống nhất về trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và trách nhiệm xây dựng, ban hành QCVN đối với mỗi bộ, ngành | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
|  | Bộ Tư pháp, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Cần Thơ, Ninh Bình  *(04 cơ quan)* | Rà soát dự thảo báo cáo | - Đề nghị rà soát dự thảo Báo cáo, đảm bảo đúng mẫu Báo cáo đánh giá tác động chính sách (mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).  - Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với Đề cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH.  - Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ nội hàm từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án để đảm bảo tính khách quan trọng việc lựa chọn phương án phù hợp. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về TTHC, về hệ thống pháp luật. Các nội dung chính sách, giải pháp thực hiện chính sách cần cụ thể và được đánh giá toàn diện hơn, bao gồm tác động tích cực và tiêu cực đối với nhà nước (tổ chức, bộ máy, con người, ngân sách cho việc thực hiện nhiệm vụ).  - Tại trang 16, trang 22 và trang 23, Có dùng cụm từ “nhạc trưởng”, đề nghị BST nghiên cứu, không sử dụng cụm từ này vì không phù hợp với văn phạm QLNN  - Tại mục II. Đánh giá tác động chính sách, ở phần 7 chính sách, Nội dung “Giải pháp giải quyết vấn đề”, đề nghị đổi cụm từ “Giải pháp” thành “Phương án” vì các nội dung sau đó đều thể hiện là phương án. | Tiếp thu |
|  | Ninh Bình | Thống nhất sử dụng thời gian ban hành Luật | Cần thống nhất sử dụng thời gian ban hành Luật vì trong dự thảo tờ trình thì sử dụng thời gian “hơn 14 năm triển khai”, trong dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách thì sử dụng “hơn 15 năm triển khai” và trong dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì sử dụng “qua 15 năm triển khai”, thực tế Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã có hiệu lực từ ngày 01/07/2008 | Tiếp thu |
| IV | Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành luật | | | |
|  | Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ |  | Nhất trí | Nhất trí |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | Rà soát, thống nhất một số nội dung trong báo cáo tổng kết thi hành luật với báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. | Tiếp thu |
|  | Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam |  | Đề nghị xem xét thêm nội dung “III. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật, chính sách của các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh hội nhập quốc về hiện nay”. Nội dung này nên đưa vào trong Tờ trình, phân tích bất cập trong quy định của Luật CLSPHH của Việt Nam với luật tương ứng của các nước để thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Luật CLSPHI | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Xây dựng | Công tác kiểm tra | Cần làm rõ cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại địa phương và Trung ương đối với từng lĩnh vực được phân công và sự phối hợp giữa các cơ quan này. Cơ quan kiểm tra ở địa phương nơi có hàng hóa nhập khẩu nên được giao kiểm tra cũng như xác nhận miễn giảm kiểm tra chuyên ngành thay vì hiện nay đang có sự chưa rõ ràng giữa cơ quan kiểm tra nơi doanh nghiệp nhập khẩu và cơ quan kiểm tra nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. | Theo Bộ KH&CN, cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại Trung ương và địa phương do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và UBND cấp tỉnh quy định |
|  | Hà Nam | Công tác thanh, kiểm tra | Trong những qua, các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh đã bám sát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và tình hình thực tiễn của địa phương, thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; trong đó Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh, kiểm tra đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KHCN. Trong quá trình thanh, kiểm tra, các Sở, ngành đã lồng ghép việc tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến chất lượng, sản phẩm hàng hóa, qua đó giúp các doanh nghiệp nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần hạn chế tình trạng hàng kém chất lượng, gây mất an toàn lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên, trong công tác thanh, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có một số khó khăn, vướng mắc:  - Một số sản phẩm chịu sự quản lý của nhiều bộ, ngành, phải áp dụng nhiều biện pháp kiểm tra chuyên ngành dẫn đến còn có sự chồng chéo trong hoạt động kiểm tra.  - Trang thiết bị để kiểm tra chất lượng đối với các sản phẩm hàng hóa như: vàng, xăng dầu... chưa đầy đủ nên việc phát hiện những sản phẩm có chất lượng thấp hơn so với quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn công bố gặp nhiều khó khăn.  - Quy định về Đoàn kiểm tra và Kiểm soát viên chất lượng gây khó khăn cho công tác kiểm tra chất lượng SPHH (do quy định ít nhất 50% số thành viên tham gia Đoàn là kiểm soát viên chất lượng được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng).  - Theo Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ở địa phương là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hiện nay, thực hiện quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tỉnh Hà Nam đã giải thể Chi cục và thành lập Phòng quản lý TCĐLCL và Thanh tra. | Nghiên cứu tiếp thu để bổ sung vào báo cáo |
|  | Bình Dương | Về giải thưởng chất lượng | Tại trang 12, mục 2.7 - Về Giải thưởng Chất lượng quốc gia: đề nghị bổ sung nội dung kết quả đánh giá của hoạt động giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân nhằm làm cơ sở tiếp tục áp dụng hoặc bãi bỏ khoản 3, Điều 7 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | Dự thảo báo cáo chỉ đề cập đến những khó khăn, vướng mắc liên quan đến GTCLQG và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung về GTCLQG, không đề cập đến GTCL của tổ chức, cá nhân do qua tổng hợp, quản lý, Bộ KHCN chưa nhận được các ý kiến phản ánh về khó khăn, vướng mắc |
|  | Nình Bình | Tại phần thứ hai “Bất cập, hạn chế trong thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa” | Đề nghị sắp xếp các nội dung theo thứ tự cho phù hợp với các nội dung tại dự thảo tờ trình. | Tiếp thu |
|  | Cần Thơ | Rà soát dự thảo | Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh của Đề cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | Tiếp thu |
| V | Dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật | | | |
|  | Khánh Hòa | Đề nghị ban hành Luật mới thay thế cho Luật CLSPHH | Luật Chất lượng hàng hóa số 05/2007/QH12 đã có thực tiến hơn 15 thi hành; cùng với việc hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa đã bộc lộ những bất cập nhất định; có sự chồng chéo giữa quy định của các Luật này với các Luật khác có liên quan (pháp luật về an toàn thực phẩm, pháp luật về hiệu suất năng lượng, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động...); Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật được ban hành rải rác, chưa bảo đảm tính kịp thời, nội dung chưa cụ thể, rõ ràng, minh bạch và thống nhất dẫn đến cách hiểu khác nhau,… Do đó, việc rà soát, điều chỉnh Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa là hết sức cần thiết, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh phát triển, hội nhập của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, việc điều chỉnh Luật theo hình thức sửa đổi, bổ sung sẽ mang tính chắp vá, không thể đảm bảo sự đồng bộ, gây nhiều khó khăn trong việc thực hiện. Vì vậy, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo và trình Chính phủ để trình Quốc hội đề nghị ban hành Luật mới thay thế cho Luật CLSPHH số 05/2007/QH 12, nhằm đảm bảo sự đồng bộ | Đề nghị bảo lưu vì Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trong đó, Phụ lục của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP đã chỉ rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cần phải *sửa đổi, bổ sung* Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 ngày 20/10/2021 về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV của Đảng đoàn Quốc hội; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, *sửa đổi, bổ sung* Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa |
|  | Ninh Thuận | Tên gọi văn bản | *Tên gọi văn bản:* Đề nghị điều chỉnh lại và trình bày lại như sau: “LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA”.  Lý do: Đúng theo quy định tại Điều 25 Tiểu mục 2 Mục I Chương III và Mẫu 3 kèm theo Nghị quyết số 351/2017/NQ-UBTVQH ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam | Các chính sách mới đưa vào Luật | Một số chính sách mới đưa vào Luật cần được thống nhất cách hiểu trong phần thuật ngữ giải thích từ ngữ như Hạ tầng chất lượng quốc gia, kiểm tra chuyên ngành hay kiểm tra nhà nước CLSPHH. Thuật ngữ kiểm tra chuyên ngành gần đây do Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính đưa ra khi xây dựng đề án cải cách kiểm tra chuyên ngành. Trong Luật CLSPHH không có khái niệm này mà chỉ có khái niệm kiểm tra nhà nước CLSPHH. Việc đưa nội hàm quản lý chất lượng dựa trên mã số, mã vạch vào Luật nên xem xét, mở rộng cho phù hợp thời đại 4.0 hiện nay (ngoài mã vạch, công nghệ nhận dạng thu và truyền dữ liệu từ động còn áp dụng các công nghệ khác như quang học, từ tính, tần số radio,...) | Đề nghị bảo lưu về khái niệm kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, không bổ sung khái niệm kiểm tra chuyên ngành và nghiên cứu tiếp thu về việc ứng dụng mã số, mã vạch cho phù hợp với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 |
|  | Học viện Hành chính Hồ Chí Minh | Số lượng văn bản hướng dẫn | Dự thảo có một số điều khoản giao cho Chính phủ quy định, nhiều điều/ khoản giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ hay các bộ, ngành khác hướng dẫn vì vậy số lượng văn bản hướng dẫn tương đối nhiều, nên rà soát lại và quy định cụ thể hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng luật ngay khi Luật có hiệu lực. | Đề nghị bảo lưu vì các nội dung sửa đổi, bổ sung có giao cho Chính phủ hoặc Bộ KH&CN hướng dẫn là để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, kịp thời điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn, ví dụ giao Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ ĐGSPH, cơ sở đào tạo, chỉ định tổ chức ĐGSPH (hiện nay, các nội dung này đang được quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP); giao Bộ KH&CN quản lý hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá (nội dung này đã được Chính phủ giao tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Bộ KHCN đã ban hành Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN để quản lý) |
|  | Hải Phòng | Tại Điều 1 | Đề nghị bổ sung các Chương, mục chiếu theo các Chương, mục của Luật CLSPHH và sắp xếp các nội dung sửa đổi, bổ sung vào các Chương, mục. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Điện Biên  *(05 cơ quan)* | Khoản 1 Điều 1 | - Tại điểm a mục 1.1 mục I của dự thảo tờ trình đã tiếp thu nội dung liên quan đến “kiểm dịch”, tuy nhiên trong dự kiến Đề cương chi tiết (nội dung sửa đổi khoản 5 Điều 3) không đề cập đến việc sửa đổi khái niệm về “chất lượng” theo hướng gồm các chỉ tiêu “kiểm dịch”.  Lý do: Đồng thời với hoạt động kiểm tra chất lượng còn có hoạt động kiểm dịch (Luật Thú y, Luật Bảo vệ thực vật) và kiểm tra an toàn thực phẩm (Luật An toàn thực phẩm). Các chỉ tiêu kiểm dịch phần lớn là các chỉ tiêu an toàn theo QCVN, nhưng có quy định trình tự thủ tục riêng, không thống nhất với Luật CLSPHH. | - Tiếp thu, bổ sung nội dung chỉnh sửa khái niệm về chất lượng theo hướng bao gồm cả an toàn, kiểm dịch |
| - Tại nội dung: “Sửa đổi Khoản 8 thành khoản 8a quy định khái niệm về đánh giá sự phù hợp và Khoản 8h quy định khái niệm về tổ chức đánh giá sự phù hợp, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế", đề nghị cần quy định thống nhất quản lý nhà nước đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp (về công tác tổ chức, năng lực, lĩnh vực hoạt động...) và giao trách nhiệm ngành khoa học và công nghệ trực tiếp quản lý. | - Nội dung liên quan đến tổ chức đánh giá sự phù hợp (về công tác tổ chức, năng lực, lĩnh vực hoạt động...) sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết (hiện nay đang được quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP). |
| - Đề nghị bổ sung khái niệm thử nghiệm, giám định phục vụ quản lý nhà nước, do không có khái niệm rõ ràng, nên hiện nay có tình trạng các cơ quan QLNN tại địa phương sử dụng các tổ chức thử nghiệm, giám định thương mại để thực hiện việc thử nghiệm chất lượng, giám định tên hàng hóa… và lấy kết quả đó để xử lý VPHC hay thực hiện các thủ tục hình sự. | - Đã được quy định tại Điều 25 Luật CLSPHH về tổ chức ĐGSPH phục vụ quản lý nhà nước là tổ chức được chỉ định |
| - Đề nghị bổ sung khái niệm cơ sở dữ liệu điện tử, các hoạt động áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa, phù hợp với hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. | - Hiện nay, Bộ KH&CN đang xây dựng Đề án chuyển đổi số ngành TCĐLCL để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Bộ KH&CN nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật. |
| - Đề nghị bổ sung quy định khái niệm về *“Mã truy xuất nguồn gốc".* | - Khái niệm này đã được quy định tại dự thảo Thông tư quy định quản lý nhà nước về TXNG |
| - Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 8 *“Bổ sung khoản 19 quy định khái niệm về “xác nhận giá trị sử dụng” thành “Bổ sung khoản 19 quy định khái niệm về “xác nhận giá trị sử dụng/thẩm định".* Lý do: để thống nhất với gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 3.3 Mục 3 Phần IV của dự thảo Tờ trình.  - Sửa đối gạch đầu dòng thứ 9 “*Bổ sung khoản 20 quy định khái niệm về "kiểm tra xác nhận” thành “Bổ sung khoản 20 quy định khái niệm vì "kiểm tra xác nhận/thẩm tra.* Lý do: để thống nhất với gạch đầu dòng thứ 4 điểm a khoản 3.3 Mục 3 Phần IV của dự thảo Tờ trình. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Bổ sung quy định khái niệm *"Chất lượng”* nhằm giải thích, làm rõ chất lượng là gì và căn cứ cho để xác định chất lượng.  Lý do: Tên của quy định là *“Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”.* Theo đó, khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 (Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007) đã giải thích *"Sản phẩm là…”* "*Hàng hóa là ...”* Vì vậy, đề xuất xem xét bổ sung nội dung giải thích *"Chất lượng là..."* nhằm giải thích cụ thể để xác định chất lượng là gì và các căn cứ nào được xem xét để xác định sản phẩm, hàng hóa đạt chất lượng. | - Khái niệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật CLSPHH. Tiếp thu, bổ sung nội dung chỉnh sửa khái niệm về chất lượng theo hướng bao gồm cả an toàn, kiểm dịch |
| - Bổ sung quy định khái niệm *"Bảo đảm chất lượng"* nhằm giải thích, làm rõ bảo đảm chất lượng là gì và các căn cứ nào để xác định việc bảo đảm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.  Lý do: Tại Điều 28 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất trước khi đưa ra thị trường có ghi nội dung bảo đảm chất lượng và trong toàn nội dung văn bản này nhiều lần đề cập đến "bảo đảm chất lượng. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung quy định giải thích khái niệm này nhằm xác định bảo đảm chất lượng là gì và căn cứ nào để bảo đảm chất lượng. | - Đề nghị không bổ sung quy định này vì Luật CLSPHH đã quy định các biện pháp để bảo đảm chất lượng trong sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng |
| - Bổ sung quy định khái niệm "Quản lý chất lượng" nhằm giải thích, làm rõ quản lý chất lượng là gì và các phương thức nhằm quản lý chất lượng,  Lý do: Chương 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng: từ Mục 1 đến Mục 6 đều đề cập đến nội dung *“quản lý chất lượng”,* cụ thể là "*quy định chung về biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa; Quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu;* *Quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường trong quá trình sử dụng”.* Do đó, để xuất xem xét bổ sung quy định phải thích khái niệm này nhằm làm rõ quản lý chất lượng thực phẩm là gì và các phương thức nhằm quản lý chất lượng. | - Khoản 2 Điều 5 Luật CLSPHH đã quy định về quản lý chất lượng |
| - Bổ sung quy định khái niệm *"Người sản xuất”* để giải thích, làm rõ người sản xuất là những đối tượng cụ thể nào được quy định trong văn bản này.  Lý do: Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Chất lượng sản pể bằng hóa năm 2007 có quy định về quyền, nghĩa vụ của người sản xuất. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung nội dung này để làm rõ người sản xuất là đối tượng nào nhằm tạo căn cứ pháp lý trong áp dụng, thực hiện và quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa. | - Khoản 6 Điều 3 Luật CLSPHH đã quy định về khái niệm này |
| - Bổ sung quy định khái niệm *"Người nhập khẩu”* để giải thích, làm rõ những đối tượng cụ thể nào được quy định trong luật.  Lý do: Theo quy định tại Điều II, Điều 12 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 có quy định về quyền, nghĩa vụ của người nhập khẩu. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung nội dung này để làm rõ người nhập khẩu là đối tượng nào nhằm tạo căn cứ pháp lý trong áp dụng, thực hiện và quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa. | - Khoản 6 Điều 3 Luật CLSPHH đã quy định về khái niệm này |
| - Bổ sung quy định khái niệm *“Người xuất khẩu"* để giải thích, làm rõ: người xuất khẩu là những đối tượng cụ thể nào được quy định trong văn bản này.  Lý do: Theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 có quy định về quyền, nghĩa vụ của người xuất khẩu. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung nội dung này để làm rõ người xuất khẩu là đối tuợng nào nhằm tạo căn cứ pháp lý trong áp dụng, thực hiện và quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng cần phẩm hàng hóa. | - Khoản 6 Điều 3 Luật CLSPHH đã quy định về khái niệm này |
| - Bổ sung quy định khái niệm "Người bán hàng" để giải thích, làm rõ người bán hàng là những đối tượng cụ thể nào được quy định trong văn bản này.  Lý do: Theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, có quy định về quyền, nghĩa vụ của người bán hàng. Hiện nay, việc bán hàng qua thương mại điện tử (bán hàng trực tuyến (online)) từ dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, và đang phát triển và diễn biến phức tạp, có nguy cơ buôn bán hàng giả, hàng nhất, hàng kém chất lượng, lừa dối người tiêu dùng. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung nội dung này để làm rõ người bán hàng là đối tượng nhờ nhằm bổ sung quy định cụ thể, đồng thời tạo căn cứ pháp lý trong áp dụng, thực hiện và quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | - Khoản 6 Điều 3 Luật CLSPHH đã quy định về khái niệm này |
| - Đề nghị điều chỉnh, bổ sung khoản 23 như sau “Bổ sung khoản 23 quy định khái niệm về truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa | - Khái niệm về mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Thông tư quy định quản lý về TXNG |
|  | Quảng Ninh | Khoản 2 Điều 1 | Đề nghị sửa thành: “Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 theo hướng quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định những sản phẩm, hàng hỏa nhóm 2 cần căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa (mức độ rủi ro) và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. Những sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao sẽ quy định biện pháp quản lý trước khi thông quan (tiền kiểm) và sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, thấp sẽ quy định biện pháp quản lý sau thông quan trước khi lưu thông trên thị trường hoặc cho phép tự công bố hợp quy. Đồng thời quy định rõ chế độ kiểm tra, trách nhiệm của người sản xuất, nhập khẩu; các tổ chức, cơ quan kiểm tra đảm bảo chất lượng sau công bố hợp chuẩn, hợp quy (hậu kiểm).” | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
|  | Hưng Yên, Tuyên Quang, Hải Dương, Bắc Kạn  *(04 cơ quan)* | Khoản 2 Điều 1 | Đề nghị sửa đổi bổ sung “Chính phủ ban hành cụ thể Danh mục SPHH nhóm 2 đối với từng bộ, ngành quản lý”, lý do:  - Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo cách thức quản lý riêng dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện.  - Một số bộ quản lý ngành, lĩnh vực không rõ cơ sở khoa học về khả năng gây mất an toàn của sản phẩm, hàng hóa khi đưa vào Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 hay việc sửa đổi, bổ sung Danh mục không kịp thời với nhu cầu cần quản lý.  - Trong thực tế triển khai cho thấy có những sản phẩm, hàng hóa giai đoạn này thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật, nhưng giai đoạn sau được đưa ra khỏi Danh mục, tức là đã chuyển thành hàng hóa nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng. Luật CLSPHH chưa quy định việc điều chỉnh đối với các loại sản phẩm, hàng hóa này. Luật CLSPHH phân chia hàng hóa thành 02 loại theo mức độ an toàn, trên thực tế độ an toàn và chất lượng sản phẩm là hai phạm trù không hoàn toàn giống nhau, có những sản phẩm, hàng hóa có độ an toàn cao nhưng có thể chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí về chất lượng, ngược lại có những sản phẩm có chất lượng tốt nhưng mức độ an toàn chưa cao | Đề nghị bảo lưu vì để phù hợp với tình hình thực tế trong mỗi giai đoạn khác nhau, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ động nghiên cứu, công bố danh mục SPHH nhóm 2, sửa đổi, bổ sung để kịp thời với mục tiêu quản lý; việc giao Chính phủ quy định sẽ khó khả thi và không kịp thời với tình hình thực tế |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa nhóm 2 | Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá hiện đang quy định thẩm quyền ban hành danh mục hàng hoá nhóm 2 thuộc về các Bộ. Qua 15 năm triển khai, việc ban hành danh mục hàng hoá nhóm 2 có nhiều bất cập.  Thứ nhất, tình trạng các danh mục hàng hoá nhóm 2 của các bộ có sự giao thoa, chồng chéo khiến cho cùng một mặt hàng của doanh nghiệp phải chịu sự quản lý của nhiều bộ, phải thực hiện nhiều lần kiểm tra. Báo cáo tổng kết thi hành của Bộ KHCN cũng đã chỉ ra vấn đề này. Điều này xuất phát từ lỗ hổng của pháp luật là không có một cơ chế và thiết chế nhằm kiểm soát quyền của các bộ. Chính phủ đã nhiều lần phải thúc giục các bộ ngôi lại với nhau để xác định mỗi mặt hàng chỉ có một cơ quan kiểm tra. Tuy nhiên, cơ chế này vẫn thiếu cơ sở pháp lý, do đó tỉnh trạng chồng chéo vẫn diễn ra  Thứ hai, có tình trạng một số bộ lạm dụng đưa vào danh mục hàng hoá nhóm 2 nhiều loại hàng hoá không cần thiết phải kiểm tra. Ví dụ, Phụ lục 2 của Báo cáo tổng kết thi hành cho thấy, trong 3 năm từ 2019 đến 2011, Bộ Thông tin và Truyền thông đã kiểm tra 72,141 lô hàng và phát hiện 18 trường hợp vi phạm. Tỷ lệ vi phạm chỉ là 0,025, số lô hàng. Nhiều doanh nghiệp cũng phản ánh việc kiểm tra này vån chưa được tích hợp trên Cổng một cửa quốc gia, doanh nghiệp vẫn phải làm bản giấy với chi phi rất lớn, với nhiều trường hợp phải phá hủy mẫu hoặc gửi mẫu ra nước ngoài kiểm tra. Trong nhiều trường hợp chi phí của việc kiểm tra chất lượng hàng hoa nhóm 2 lớn hơn so với rủi ro ngăn chặn được.  Thứ ba, có tình trạng việc đưa hàng hoa vào danh mục nhóm 2 qua dễ dùng dẫn đến sự tuỳ tiện và nhiều bất cập khi thực thi. Báo cáo tổng kết thi hành cũng chỉ ra tình trạng nhiều hàng hoá được đưa vào danh mục nhóm 2 nhưng không có mà HS đi kèm, không có quy chuẩn kiểm tra. Có trường hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung keo dán gỗ vào danh mục hàng hoá nhóm 2 nhưng đến ngày có hiệu lực vẫn không chỉ định đơn vị đánh giá sự phù hợp.  Tất cả những vấn đề trên cho thấy, việc ban hành danh mục hàng hoá nhóm 2 hiện có rất nhiều bất cập và cần có biện pháp mạnh mẽ hơn để kiểm soát. Danh mục này rất quan trọng đối với các doanh nghiệp vì nó ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc các danh mục được ban hành ở cấp Thông tư, với trình tự thủ tục dễ dàng, ít được trao đổi, thảo luận, không được đánh giá tác động, không có kiểm soát về thủ tục hành chính là nguyên nhân gây ra tình trạng trên.  Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành danh mục hàng hoá nhóm 2 theo hướng nâng lên cấp Nghị định của Chính phủ. Cơ chế này sẽ giúp danh mục này được thảo luận giữa các bộ và sẽ không còn tinh trạng chồng chéo. Trình tự thủ tục ban hành nghị định cũng chặt chẽ hơn qua đó nâng cao chất lượng của quy định này.  Kinh nghiệm của lĩnh vực điều kiện đầu tư kinh doanh cho thấy, từ khi cấm các bộ ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh và đưa lên cấp Nghị định, chất lượng của các quy định này được nâng cao rõ rệt. Các điều kiện đầu tư kinh doanh không minh bạch, không khách quan, định tính đã được loại bỏ toàn bộ, các điều kiện không hợp lý cũng đã được điều chỉnh. | Đề nghị bảo lưu vì để phù hợp với tình hình thực tế trong mỗi giai đoạn khác nhau, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ động nghiên cứu, công bố danh mục SPHH nhóm 2, sửa đổi, bổ sung để kịp thời với mục tiêu quản lý; việc giao Chính phủ quy định sẽ khó khả thi và không kịp thời với tình hình thực tế |
|  | Hưng Yên, Cà Mau  *(02 cơ quan)* | Khoản 3 Điều 1 | Bổ sung nội dung đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức đánh giá sự phù hợp | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Quảng Ninh, Bình Định, Đà Nẵng  *(03 cơ quan)* | Khoản 4 Điều 1 | - Đề nghị sửa đổi, bổ sung thêm khoản 4 Điều 7 quy định rõ thời gian trao giải Giải thưởng chất lượng quốc gia.  - Sửa đổi, bổ sung về “Giải thưởng chất lượng SPHH”, trong đó mở rộng đối tượng áp dụng đối với Giải thưởng chất lượng quốc gia ngoài tổ chức, doanh nghiệp thì có thể cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập  - Đề nghị xem xét bỏ giải thưởng của tổ chức, cá nhân (quy định tại Điều 7 Luật CLSPHH) vì trên thực tế hoạt động này trong thời gian qua không được triển khai, thay vào đó chỉ có các hoạt động của Giải thưởng Chất lượng quốc gia | - Nghiên cứu tiếp thu.  - Nghiên cứu tiếp thu  - Đề nghị bảo lưu vì hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân cần thiết phải quản lý |
|  | Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, An Giang, Khánh Hòa  *(04 cơ quan)* | Khoản 6 Điều 1 | - Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng rộng rãi, đề nghị trong hồ sơ Luật cần làm rõ việc ứng dụng này có phân cấp, phân quyền từ TW đến địa phương để hàng hóa khi nhập khẩu được thông quan nhanh chóng; hàng hóa sản xuất trong nước cũng được tạo điều kiện thuận lợi, nhanh nhất được lưu thông trên thị trường; hàng hóa xuất khẩu cần được ưu tiên cho việc thông quan. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Nội dung về quản lý chất lượng SPHH dựa trên ứng dụng MSMV trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần được quy định theo hướng có lộ trình áp dụng (trong những trường hợp cần thiết bắt buộc áp dụng). Đồng thời, cần làm rõ cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý nhà nước cũng như vai trò của các Bộ quản lý chuyên ngành. Ngoài ra, đề nghị xem xét quy định đây là hoạt động quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc (tracebility) hay mã số mã vạch.  Lý do: mã số mã vạch chỉ là một công nghệ ứng dụng để truy xuất nguồn gốc và hoàn toàn có thể xuất hiện các công nghệ khác tiên tiến hơn. | - Các nội dung góp ý sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành luật (hiện nay nội dung về MSMV, TXNG đang được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP) |
| - Nhằm mục tiêu bảo đảm có đầy đủ các quy định cần thiết, rõ ràng và chặt chẽ về quản lý mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, tại nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Đề cương chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: đề nghị ban soạn thảo xem xét, bổ sung nội dung *“Vai trò, trách nhiệm (hoặc quyền và nghĩa vụ) của đơn vị tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ liên quan đến việc cấp mã vạch cho cá nhân, doanh nghiệp có yêu cầu đăng ký mã vạch cho sản phẩm (GS1 VietNam hoặc một đơn vị khác được giao nhiệm vụ)”*. | - Các nội dung góp ý sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành luật (hiện nay nội dung về MSMV, TXNG đang được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP) |
| - Để tăng cường hoạt động và quản lý một cách đồng bộ hoạt động truy xuất nguồn gốc (TXNG), đề nghị bổ sung một hoặc một số điều khoản quy định về nội dung hoạt động và công tác quản lý nhà nước hoạt động TXNG, thống nhất với khái niệm về TXNG đã được bổ sung vào Đề cương Luật sửa đổi. Nghiên cứu đưa vào luật quy định hoạt động TXNG dựa trên nền tảng mã số mã vạch | - Các nội dung góp ý sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành luật (hiện nay nội dung về MSMV, TXNG đang được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP) |
|  | Cần Thơ, Phú Yên  *(02 cơ quan)* | Trang 3 gạch đầu dòng thứ nhất khoản 7, gạch đầu dòng thứ 2 khoản 8, gạch đầu dòng thứ nhất khoản 11, 12, khoản 21 Điều 1 | Đề nghị bỏ cụm từ “bảo đảm”, thành “*…ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm…*”, do việc ứng dụng mã số mã vạch không đảm bảo cho việc quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Thanh Hóa, Lạng Sơn  *(02 cơ quan)* | Khoản 7 Điều 1 | - Nội dung “Tại khoản 2, bổ sung quy định người sản xuất có quyền quyết định ứng dụng mã số, mã vạch để bảo đảm quản lý chất lượng sản phẩm” và nội dung “Tại Khoản 4, bổ sung quy định người sản xuất có quyền sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật”, nên gộp 2 nội dung này lại vì có sự tương đồng.  - Đề nghị xem xét bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa như sau:  *“Trường hợp chứng nhận hợp quy, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quản lý nhà nước thì người sản xuất lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng hóa do mình sản xuất”.*  Lý do: hiện nay, tại một số QCVN quy định việc công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận theo quy định. | - Đề nghị bảo lưu vì nội hàm của 2 khoản này là khác nhau  - Đề nghị bảo lưu vì qua công tác quản lý, theo dõi, tổng hợp hoạt động ĐGSPH thì việc chỉ định các tổ chức ĐGSPH để thực hiện ĐGSPH sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 là cần thiết |
|  | Cần Thơ, Phú Yên  *(02 cơ quan)* | Khoản 8 Điều 1 | Đề nghị sửa đổi hoặc bỏ các cụm từ “trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay” ở gạch đầu dòng thứ 2 khoản 8; gạch đầu dòng thứ 3 khoản 10; khoản 12; gạch đầu dòng thứ 3 khoản 14 và khoản 16. Vì Điều 58 của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chỉ quy định chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hoặc giám định trong giải quyết tranh chấp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa chứ không quy định chi phí chứng nhận. | Tiếp thu theo hướng bỏ nội dung sử dụng kết quả chứng nhận để giải quyết tranh chấp |
|  | Khánh Hòa | Khoản 8 và khoản 10 Điều 1 | Hiện nay, trong thực tế có nhiều trường hợp cơ sở kinh doanh các loại hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và có đầy đủ hồ sơ chứng minh hàng hóa đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất lượng (chứng nhận, công bố hợp quy; chứng nhận, công bố hợp chuẩn; kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu...); nhưng khi hàng hoá lại vi phạm về chất lượng (qua công tác thử nghiệm mẫu), người sản xuất, nhập khẩu lại từ chối trách nhiệm bồi thường (do mua đứt bán đoạn, hoặc mua qua nhiều nhà phân phối, hoặc số lượng hàng hoá ít...). Vì vậy, tại khoản 8 và khoản 10, đề nghị bổ sung cụ thể hơn và quy định chặt chẽ trách nhiệm của người sản xuất, nhà nhập khẩu đối với hàng hóa của mình lưu thông trên thị trường có chất lượng không phù hợp quy định; đồng thời nên quy định về quy trình xử lý đối với trường hợp này phải có sự tham gia của người sản xuất, nhập khẩu. | Khoản 1 Điều 61 Luật CLSPHH đã quy định trách nhiệm của người sản xuất, nhập khẩu phải bồi thường thiệt hại cho người bán hàng khi hàng hóa gây thiệt hại do lỗi của người sản xuất, nhập khẩu không bảo đảm chất lượng. Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan hoặc theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài. |
|  | An Giang, Tp.Hồ Chí Minh  *(02 cơ quan)* | Khoản 9 Điều 1 | - Tại gạch đầu dòng nhứ nhất, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, điều chỉnh nội dung cụm từ *“với tình hình thực tế”* thành *“pháp luật của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà VN là thành viên”*.  - Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về quyền của người nhập khẩu: *"1. Quyết định lựa chọn mức chất lượng của hàng hóa do mình nhập khẩu; 2. Yêu cầu người xuất khẩu cung cấp hàng hóa đúng chất lượng đã thỏa thuận theo hợp đồng”* thành *“1. Quyết định lựa chọn mức chất lượng của hàng hóa do mình nhập khẩu tuân thủ theo quy định trong nước hoặc* ***theo quy định của các nước khác trên thế giới được quốc tế công nhận****. 2. Yêu cầu người xuất khẩu cung cấp hàng hóa đúng chất lượng đã thoả thuận theo hợp đồng và tuân thủ theo quy định trong nước hoặc* ***theo quy định của các nước khác trên thế giới được quốc tế công nhận****".*  Lý do: Các cơ sở nhập khẩu thực phẩm có quyền lựa chọn sản phẩm, hàng hóa, tự quyết định mức chất lượng của hàng hóa do mình lựa chọn với bên cung cấp nhưng khi hàng hóa tiêu dùng tại thị trường trong nước thì cần tuân thủ các quy định trong nước hoặc quy định được quốc tế công nhận nhằm an toàn trong sử dụng, bảo đảm sức khỏe, tính mạng của con người. Do đó, đề xuất xem xét bổ sung nội dung này để tạo căn cứ pháp lý cho người NK tuân thủ quy định, đồng thời, là căn cứ pháp lý cho việc xử lý vi phạm (nếu có). | - Nghiên cứu tiếp thu  - Đề nghị bảo lưu vì người nhập khẩu khi nhập khẩu vào Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của Việt Nam |
|  | Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Cần Thơ  *(04 cơ quan)* | Khoản 10 Điều 1 | - Đề nghị cân nhắc nghiên cứu bỏ chữ “sản phẩm” vì khoản 2 Điều 3 Luật đã quy định “Hàng hóa là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị”  - Đề nghị bỏ đoạn “*Đồng thời, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay*.”.  - *Khoản 11. Tiêu hủy hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được*; *chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu huỷ hàng hóa và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu huỷ hàng hóa theo quy định của pháp luật*. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung theo hướng cần có cơ quan chuyên môn giám sát việc tiêu hủy này, vì các mặt hàng này có tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn và gây ô nhiễm môi trường.  - Tại khoản 11, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ tái chế, thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được”. Việc tái chế thay đổi mục đích sử dụng tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn, tạo lỗ hổng để hợp thức hóa sản phẩm không đảm bảo chất lượng. Một số sản phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (không đạt chất lượng) buộc phải tái xuất, trường hợp không tái xuất được buộc phải tiêu hủy. | - Đề nghị bảo lưu vì khái niệm về "sản phẩm" và "hàng hooá" sẽ được chỉnh sửa lại cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là loại sản phẩm, hàng hoá vô hình.  - Tiếp thu theo hướng bỏ nội dung sử dụng kết quả chứng nhận để giải quyết tranh chấp  - Việc tiêu hủy phải có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về môi trường  - Đề nghị bảo lưu, vì đối với các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp QCVN thì người nhập khẩu phải đề xuất phương án tái chế, thay đổi mục đích sử dụng hay tiêu hủy, tái xuất; cơ quan kiểm tra sẽ xem xét, quyết định |
|  | Thanh Hóa | Khoản 12 Điều 1 | “Tại khoản 4 Điều 14, bổ sung quy định người xuất khẩu có nghĩa vụ trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để bảo đảm quản lý chất lượng SPHH theo quy định tại Điều 31 và trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tinh hình thực tế hiện nay”, đề nghị xem xét bỏ nội dung này vì có sự tương đồng với nội dung tại Khoản 8 Điều 1. | Tiếp thu theo hướng bỏ nội dung sử dụng kết quả chứng nhận để giải quyết tranh chấp |
|  | Thanh Hóa, Khánh Hòa  *(02 cơ quan)* | Khoản 13 Điều 1 | - Tại khoản 13, Điều 1, nội dung: “Tại khoản 2, bổ sung quy định người bán hàng có quyền lựa chọn tổ chức đánh giá sự phủ hợp để chứng nhận hàng hóa”; tại Khoản 14, Điều 1, nội dung: “Tại Khoản 14, bổ sung quy định về nghĩa vụ người bán hàng trả chi phi chứng nhận theo quy định tại Điều 53 của luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay”. Đề nghị xem xét bỏ 2 nội dung này, vì việc chứng nhận sản phẩm là trách nhiệm của người sản xuất và người nhập khẩu. Quy định người bán hàng có nghĩa vụ này là không phù hợp và không đảm bảo yêu cầu pháp lý.  - Từ việc bổ sung nội dung tại khoản 8 và khoản 10, đề xuất bổ sung tại khoản 13 cụ thể hơn về quyền lợi của người bán hàng khi hàng hóa có chất lượng không phù hợp quy định. | - Đề nghị bảo lưu vì khoản 2 Điều 15 mới quy định lựa chọn tổ chức ĐGSPH để thực hiện thử nghiệm, giám định là chưa đầy đủ, do đó đề nghị bổ sung thêm nội dung người bán hàng có thể lựa chọn tổ chức chứng nhận  - Theo quy định tại khoản 6 thì người bán hàng được bồi thường thiệt hại khi hàng hóa không đảm bảo chất lượng |
|  | Lạng Sơn, Bình Định, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ  *(05 cơ quan)* | Khoản 14 Điều 1 | Tại dự thảo dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau: *“bổ sung quy định về nghĩa vụ của người bán hàng trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay”*, tuy nhiên tại Mục IV dự thảo Tờ trình không đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung này.  Mặt khác, người sản xuất, người nhập khẩu có nghĩa vụ phải trả chi phí chứng nhận và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất, nhập khẩu và ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật. Do đó việc bổ sung quy định về nghĩa vụ người bán hàng phải trả chi phí chứng nhận là không phù hợp. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại đối với nội dung này | Tiếp thu theo hướng bỏ nội dung sử dụng kết quả chứng nhận để giải quyết tranh chấp |
|  | Bộ Tài chính | Khoản 16 Điều 1 | Khoản 2, khoản 7 Điều 19 Luật CLSPHH quy định về nội dung được thanh toán chi phí và thu chi phí như sau:  “*Điều 19. Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp*  *2. Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*  *7. Thu chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn theo quy định tại Điều 31; thu chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 37; thu chi phí thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 41; thu chi phí thử nghiệm, giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật này*”*.*  Tuy nhiên, có trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập chỉ thực hiện việc thử nghiệm, giám định phục vụ công tác quản lý nhà nước và không thu chi phí. Do đó, đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu sửa đổi Điều 19 nêu trên theo hướng quy định trường hợp không thu chi phí đối với các Phòng thí nghiệm đạt chuẩn thuộc đơn vị sự nghiệp công lập chỉ phục vụ công tác quản lý nhà nước, thực hiện đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của các đơn vị quản lý nhà nước. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Hưng Yên, Tp.Hồ Chí Minh, Cà Mau, Khánh Hòa  *(07 cơ quan)* | Khoản 17 Điều 1 | - Sửa đổi theo hướng bỏ “được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định”. | - Đề nghị bảo lưu |
| - Đề nghị bổ sung nội dung điều chỉnh, chuyển nội dung khoản 3 Điều 19 Luật Chất lượng SPHH *“Cung cấp kết quả thử nghiệm cho đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng”* sang Điều 20 (quy định từ quyền sang nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp), do tổ chức, cá nhân đã trả chi phi để thuê tổ chức đánh giá sự phù hợp thử nghiệm chất lượng, nên phải được nhận kết quả thử nghiệm tương ứng. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Đề nghị bổ sung quy định về cung cấp kết quả dịch vụ đánh giá sự phù hợp bằng phương thức điện tử. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Về hoạt động kiểm tra tổ chức ĐGSPH; Cần bổ sung quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của đoàn kiểm tra hoạt động của các tổ chức ĐGSPH trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm. | - Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập Biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền khi phát hiện vi phạm, do đó không cần thiết bổ sung quy định này |
| - Về thuật ngữ kiểm định: cần làm rõ nội hàm thuật ngữ (kiểm định đang sử dụng tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và các Luật chuyên ngành khác để tránh nhầm lẫn, ví dụ: kiểm định kỹ thuật an toàn lao động... Trường hợp đồng nhất các khái niệm này là một hoạt động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cũng sẽ là một biện pháp đánh giá sự phù hợp, khi đó, các sản phẩm có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sẽ không bị điều chỉnh bởi 02 hai hoạt động kiểm định như hiện nay. | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Gạch đầu dòng thứ hai, đề nghị xem xét lại quy định “*tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được công nhận…”,* vì việc này nên để tổ chức đánh giá sự phù hợp tự lựa chọn và quyết định theo nhu cầu và mục đích hoạt động của mình. | - Nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng các tổ chức ĐGSPH để được chỉ định phục vụ QLNN thì phải được công nhận để phục vụ hội nhập quốc tế (thừa nhận lẫn nhau kết quả ĐGSPH) |
| - Hiện nay, có tình trạng một số tổ chức đánh giá sự phù hợp muốn hoạt động đa ngành (như thử nghiệm về hoá sinh, thử nghiệm an toàn thực phẩm, quan trắc) và thử nghiệm môi trường, thử nghiệm xây dựng…) phải qua nhiều cơ quan đánh giá và cấp nhiều giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định riêng của các Bộ quản lý chuyên ngành. Vì vậy, đề nghị bổ sung vào Điều 25 của Luật CLSPHH quy định một cách thống nhất cho việc đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp ngành, tránh tình trạng phân tán theo quy định của từng Bộ chuyên ngành như hiện nay. | - Theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP thì trường hợp đăng ký đa ngành có thể đăng ký tại Bộ KH&CN hoặc tại từng Bộ, ngành. Do đó, các tổ chức ĐGSPH có thể lựa chọn hình thức đăng ký tại Bộ KH&CN để giảm thiểu thời gian, công sức. Đồng thời, dự thảo Đề cương đã đề xuất nội dung quy định về thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định giữa các Bộ, ngành để giải quyết khó khăn, vướng mắc hiện nay |
|  | Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng  *(02 cơ quan)* | Khoản 18 Điều 1 | - Sửa đổi khoản 1 Điều 26: “*1. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức, cá nhân tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, vùng lãnh thổ do các bên tự thoả thuận hoặc tự lựa chọn*.”  Lý do: Việc sửa đổi này nhằm làm rõ trường hợp thừa nhận một phía (ví dụ các tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước ngoài đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực thì được kết quả chứng nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp này sẽ được Việt Nam thừa nhận). | - Việc thừa nhận đơn phương cũng cần cân nhắc để bảo đảm lợi ích quốc gia |
| - Đề nghị làm rõ khái niệm, trình tự thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả ĐGSPH cũng như các tổ chức công nhận. Cụ thể như sau:  *Điều* *26. Thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp*. Đề nghị xem xét mở rộng điều kiện để có nhiều tổ chức đánh giá sự phù hợp được thừa nhận.  Lý do: Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, khi có nhiều tổ chức đánh giá sự phù hợp được thừa nhận sẽ làm cho hàng hóa xuất, nhập khẩu được nhanh chóng, thuận lợi. | - Việc quy định trình tự thừa nhận lẫn nhau kết quả ĐGSPH đã được quy định tại Luật TC&QCKT, trong đó đã giao cho Bộ KHCN. Để triển khai, Bộ KHCN đã ban hành Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN. Tuy nhiên, sẽ nghiên cứu, xem xét nội dung này để chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn nhưng vẫn phải bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế. |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Khoản19 Điều 1 | Đề nghị sửa đổi, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa “Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất bao gồm các nội dung sau đây: Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất" thành “Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh gồm các nội dung sau đây. Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan hoặc quy định về bảo đảm chất lượng sản phẩm liên quan đến điều kiện sản xuất, kinh doanh và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất.  Lý do: Tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi đã đề xuất xem xét bổ sung quy định khái niệm “bảo đảm chất lượng”, đề xuất xem xét quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm nhằm áp dụng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan hoặc quy định về bảo đảm chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và kinh doanh sản phẩm. Sản phẩm khi lưu thông trên thị trường, trong quá trình vận chuyển, bảo quản, bày bán, ... tồn tại nhiều nguy cơ có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy, đề xuất xem xét bổ sung nội dung như đã nêu trên nhằm bảo đảm chất lượng trong quá trình SX, kinh doanh sản phẩm. | Tiếp thu, bổ sung thêm cụm từ “tiêu chuẩn” |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Khoản 20 Điều 1 | Đề nghị bổ sung nội dung “sản phẩm sản xuất với mục đích sử dụng tại chỗ (không lưu thông)” vào khoản 2 Điều 28 của dự thảo Luật. Lý do: có nhiều cơ sở sản xuất giống thủy sản sản xuất giống phục vụ cho nuôi thương phẩm của cơ sở; tự chế biến thức ăn để sử dụng nuôi động vật thủy sản của cơ sở. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Đà Nẵng, Tp.Hồ Chí Minh, Cần Thơ  *(03 cơ quan)* | Khoản 22 Điều 1 | - Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 1 theo hướng không bắt buộc sử dụng mã số, mã vạch, thay vào đó chỉ yêu cầu thể hiện thông tin về xuất xứ nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho phù hợp với thực tế. | - Việc ứng dụng MSMV là tự nguyện, trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng thì phải thể hiện thông tin theo quy định của pháp luật liên quan |
| - Trường hợp sửa đổi khoản 2 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, đề nghị sửa đổi theo hướng không phải thực hiện công bố hợp quy để giảm thiểu thủ tục hành chính cho người nhập khẩu; đề nghị sửa tương ứng Luật TCQCKT (có quy định tại Điều 48). Đồng thời, phải quy định có nghĩa vụ của người nhập khẩu và tổ chức đánh giá sự phù hợp phải cung cấp kết quả chứng nhận hợp quy, thử nghiệm chất lượng cho cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Vì khi đó, hàng hóa có thể đã được cơ quan hải quan xem xét cho phép mang ra khỏi cũng đã về bảo quản tại kho của doanh nghiệp. Địa điểm kho có thể ở tỉnh thành khác, dẫn đến cơ quan nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không thể tiến hành kiểm tra tại cơ sở của người nhập khẩu nếu không hoàn thiện hồ sơ. | - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa NK thông qua hoạt động công bố hợp quy nên Bộ KH&CN sẽ tiếp thu, chỉnh sửa quy định này tại luật |
| - Đề nghị bổ sung quy định “*Người nhập khẩu được lựa chọn mức chất lượng của hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh (hàng hóa phi mậu dịch). Chính phủ quy định cụ thể việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa phi mậu dịch.*” tại Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Lý do:  + Trong xu thế toàn cầu hóa, việc doanh nghiệp mua bán, trao đổi hàng hóa xuyên quốc gia ngày càng phổ biến, trong đó doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa trực tiếp từ nhà sản xuất, phân phối nước ngoài để phục vụ nhu cầu nội bộ, đầu tư xây dựng nhà xưởng, hoặc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm giảm chi phí phát sinh qua các khâu trung gian, tăng lợi nhuận đầu tư là nhu cầu thiết yếu và chính đáng của doanh nghiệp. Việc yêu cầu các doanh nghiệp này phải tuân thủ quy định quản lý nhà nước về kiểm tra chất lượng như hàng hóa nhập khẩu vì mục đích thương mại sẽ làm phát sinh thêm công sức, chi phí, thời gian và gây trở ngại cho sự phát triển của doanh nghiệp.  + Việc cụ thể hóa các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) tại các VBQPPL khác vừa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, vừa đảm bảo tính minh bạch của các quy định pháp luật, đồng thời thể hiện thái độ quan tâm tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng doanh nghiệp trong xu thế phát triển hiện nay. | - Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Giao thông vận tải, Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  *(03 cơ quan)* | Khoản 24 Điều 1 | - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi cơ quan kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo hướng sau: Nghiên cứu “Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 38/QĐ-TTg, để bổ sung quy định giao cơ quan hải quan là đầu mối kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu liên quan đến an toàn. thực phẩm tại cửa khẩu (nếu có đủ năng lực). Lý do: Tập trung một đầu mối về cơ quan hải quan vừa thực hiện thủ tục nhập khẩu, vừa đồng thời kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu tại cửa khẩu; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chỉ thực hiện khai báo và kiểm tra 01 lần (không phải thực hiện 2 lần như hiện nay).  - “Tại khoản 2, sửa đổi theo hướng thay việc giao các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chi tiết thành giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm thống nhất, tránh chồng chéo”. Việc quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã được quy định tại Điều 70, không cần thiết giao Chính phủ quy định, gây phát sinh thủ tục.  - Đề nghị điều chỉnh điểm a khoản I Điều 35 Luật CLSPHH theo hưởng không cần chứng thực bản sao chứng chỉ chất lượng, chỉ nộp “bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người NK) chứng chỉ chất lượng” theo điểm a khoản 2c thuộc khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, nhằm thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân. | - Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.  - Đề nghị bảo lưu, vì hiện nay Chính phủ đang quy định trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 154/2018/NĐ-CP, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP  - Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Khánh Hòa | Khoản 25 Điều 1 | - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa NK theo hướng đã được quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và đảm bảo thống nhất với quy định tương ứng tại Luật Hải quan.  - Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 41 Luật CLSPHH quy định cụ thể trách nhiệm của các bên chi trả chi phí thử nghiệm, giám định; nêu rõ khái niệm chi phí thử nghiệm là chi phí trả cho tổ chức thử nghiệm, giám định (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở phục vụ cho công tác mang mẫu đi thử nghiệm). | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn luật |
|  | Bộ Công Thương, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cà Mau, Hưng Yên, Điện Biên  *(06 cơ quan)* | Khoản 27 Điều 1 | - Đề nghị bổ sung quy định về các tiêu chí, điều kiện của kiểm soát viên chất lượng để hằng năm có kế hoạch đào tạo, cấp chứng chỉ hoạt động cho các kiểm soát viên chất lượng, nhất là các công chức kiêm nhiệm tại các Bộ, ngành.  - Đề nghị xem xét bỏ hoặc sửa chức danh “Kiểm soát viên chất lượng” vì trên thực tế có rất ít người đảm nhiệm chức danh kiểm soát viên chất lượng  - Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 40, đề nghị quy định theo hướng trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và kiến nghị xử lý theo quy định để thống nhất với quy định tại Điều 58 Luật Xử lý VPHC. | - Nghiên cứu tiếp thu  - Theo Bộ KH&CN, việc hình thành đội ngũ kiểm soát viên chất lượng là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra. Do đó, Bộ KH&CN đã kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung các nội dung liên quan đến kiểm soát viên chất lượng.  - Dự thảo Đề cương đã đề xuất bổ sung quyền lập biên bản vi phạm hành chính nên trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng sẽ lập biên bản theo quy định |
|  | Khánh Hòa, Hưng Yên, Cà Mau  *(03 cơ quan)* | Khoản 28 Điều 1 | - Để thuận lợi cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật CLSPHH theo hướng sau: Quy định Bộ nào ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc được phân công quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực nào thì các Sở, các Chi cục quản lý chuyên ngành tương ứng tại địa phương, trừ trường hợp có quy định cụ thể Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. | - Theo Bộ KH&CN, luật chỉ điều chỉnh đến các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, việc phân công triển khai là thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh cho phù hợp với thực tế |
| - Việc giải quyết khiếu nại, tổ cáo trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa là một nội dung đặc thù, nhất là việc khiếu nại về “kết quả thử nghiệm mẫu” là dạng khiếu nại đặc biệt; vì vậy, đề nghị xem xét việc bổ sung Điều 65 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa theo hướng: Trường hợp có khiếu nại, tố cáo về chất lượng, khi thực hiện quá trình xử lý, thì cơ quan có thẩm quyền ưu tiên tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo và ngăn chặn hàng hoá có nghi ngờ về chất lượng theo quy định trước thực hiện việc xử lý các hành vi có liên quan đến chất lượng; cần quy định riêng đối với khiếu nại về kết quả thử nghiệm mẫu, việc áp dụng “hành vi vi phạm pháp luật” cho trường hợp này là không thích hợp. | - Hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo |
| - Đề nghị bỏ khoản này, vì khoản 16, Điều 3 của Luật Chất lượng SPHH đã quy định phù hợp như sau: “*Cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa) là cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*”. | - Dự thảo Đề cương đã có kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 3 để thống nhất với các nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung tại khoản này |
|  | Bình Định, Thái Bình  *(02 cơ quan)* | Khoản 30 Điều 1 | - Tại khoản 30 Điều 1 của dự kiến Đề cương có nêu: “sửa đổi quy định đoàn kiểm tra phải có ít nhất năm mươi phần trăm số thành viên là kiểm soát viên chất lượng”. Tuy nhiên, đối chiếu với khoản 2 Điều 48 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007 thì nội dung sửa đổi lần này trùng lắp với nội dung cũ chưa được sửa đổi,…  - “Sửa đổi quy định đoàn kiểm tra phải có ít nhất 50% số thành viên là kiểm soát viên chất lượng cho phù hợp với tình hình thực tế” đề nghị cơ quan soạn thảo quy định theo hướng: Có sự tham gia của kiểm soát viên chất lượng trong thành phần Đoàn kiểm tra mà không quy định cụ thể về số lượng.  Lý do: Số lượng kiểm soát viên chất lượng tại các cơ quan kiểm tra nhà nước còn thiếu, hiện nay chỉ có Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai việc đào tạo, cấp chứng chỉ và bổ nhiệm kiểm soát viên chất lượng của Bộ. Tại địa phương chỉ có công chức Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN được đào tạo, cấp chứng chỉ về kiểm soát viên chất lượng nhưng chưa được bổ nhiệm ngạch kiểm soát viên chất lượng. | - Nghiên cứu tiếp thu để viết rõ hơn, tránh hiểu nhầm  - Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Quảng Ninh, Cà Mau, Hưng Yên  *(03 cơ quan)* | Khoản 32 Điều 1 | - Xem lại việc bổ sung quy định “kiểm soát viên chất lượng” hay “Thanh tra chuyên ngành” để phù hợp với Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành  - Đề nghị bỏ Điều 50, Điều 51 của Luật Chất lượng SPHH cho phù hợp với thực tế | - Quy định về thanh tra sẽ thực hiện theo Luật Thanh tra, dự thảo này chỉnh sửa, bổ sung nội dung về kiểm soát viên chất lượng  - Theo Bộ KH&CN, việc hình thành đội ngũ kiểm soát viên chất lượng là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra. Do đó, Bộ KH&CN đã kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung các nội dung liên quan đến kiểm soát viên chất lượng |
|  | Đà Nẵng, Quảng Ninh  *(02 cơ quan)* | Khoản 34 Điều 1 | - Đề nghị xem xét giao Bộ Công Thương (thay cho Bộ Khoa học và Công nghệ) chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hàng năm nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện do hiện nay theo quy định của pháp luật Bộ Công Thương chịu trách nhiệm chính trong quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và hoạt động thương mại, nhập khẩu, lưu thông hàng hóa trên thị trường của doanh nghiệp.  - Đề nghị làm rõ các khái niệm và phân biệt rõ các chức danh: “chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm”, “thử nghiệm viên”, “giám định viên”, “kiểm định viên chất lượng”... để đồng bộ với các điều khoản sửa đổi tại các ở trên | - Đề nghị bảo lưu vì Bộ KH&CN là cơ quan đẩu mối quản lý chất lượng trên phạm vi toàn quốc nên chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành là phù hợp  - Đề nghị bảo lưu, các khái niệm này được quy định trong các tiêu chuẩn tương ứng với tưng loại hình tổ chức ĐGSPH (17025, 17065, 17021, 17020) |
|  | Quảng Ninh | Khoản 35 Điều 1 | Nhất trí về rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm QLNNvề chất lượng của SPHH của các Bộ, ngành; quy định cụ thể các SPHH trong sản xuất, XNK, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý về chất lượng của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tránh chồng chéo trong quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế triển khai trong thời gian qua. | Nhất trí |
|  | Hải Phòng | Tên của khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 6; khoản 7 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 9; khoản 8 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 10; khoản 10 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 12; khoản 11 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 13; khoản 13 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 15; khoản 14 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 16; khoản 25 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 36; khoản 34 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 69 | Đề nghị sửa thành “Bổ sung Điều ... như sau” cho thống nhất với nội dung của điều. | Nghiên cứu tiếp thu để chỉnh sửa cho phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn |
|  | Ninh Thuận | Điều 2 | Đề nghị điều chỉnh cụm từ “Hiệu lực” thành cụm từ “Điều khoản” trước cụm từ “thi hành” để đảm bảo đúng theo quy định tại Mẫu 3 kèm theo Nghị quyết số 351/2017/NQ-UBTVQH | Nghiên cứu tiếp thu để chỉnh sửa cho phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn |
|  | Ninh Thuận | Điều 2 | Đề nghị bổ sung một đường kẻ ngang liền từ lề trái đến lề phải (dự thảo chưa trình bày đường kẻ ngang) để phù hợp với khoản 1 Điều 36 của NQ 351/2017/NQ-UBTVQH quy định “Điều cuối cùng của luật, nghị quyết của QH và thông tin về thời điểm QH thông qua văn bản được phân cách bằng đường kẻ ngang liền từ lề trái đến lề phải”. | Nghiên cứu tiếp thu để chỉnh sửa cho phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn |
|  | Học viện Hành chính Hồ Chí Minh | Làm rõ nội hàm một số định nghĩa, khái niệm | Về ngôn ngữ diễn đạt và kỹ thuật xây dựng của các quy định trong dự thảo: ngôn ngữ sử dụng trong dự thảo đảm bảo chính xác, phổ thông, các diễn đạt tương đối rõ ràng, dễ hiểu. Tuy nhiên cần làm rõ nội hàm một số định nghĩa, khái niệm cụ thể sau:  - Định nghĩa rõ ràng khái niệm “chất lượng”: Cần thao tác hóa cụ thể, rõ ràng và toàn diện về chất lượng sản phẩm và hàng hóa để đảm bảo sự hiểu rõ và nhất quán cho tất cả các bên liên quan.  - Tiêu chuẩn chất lượng: Nâng cao tiêu chuẩn chất lượng để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, an toàn và môi trường, điều này có thể bao gồm việc áp dụng các TCVN hoặc quốc tế, và việc đảm bảo tuân thủ các quy định về chất lượng tương ứng.  - Đánh giá và kiểm tra chất lượng: Tăng cường quy định về quá trình đánh giá và kiểm tra chất lượng của các sản phẩm và hàng hóa trước khi chúng được phép đi vào thị trường. Điều này đảm bảo rằng chỉ có những sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sẽ được phân phối cho người tiêu dùng.  - Trách nhiệm của người sản xuất: Tăng cường trách nhiệm của người sản xuất đối với chất lượng SPHH của họ. Điều này bao gồm việc yêu cầu người sản xuất cung cấp thông tin chi tiết về chất lượng, thành phần và cách sử dụng sản phẩm.  - Quyền và bảo vệ của người tiêu dùng: Đảm bảo rằng người tiêu dùng có quyền biết và lựa chọn sản phẩm chất lượng cao. Cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch về sản phẩm và hàng hóa, cũng như quyền tìm hiểu về chất lượng và đề xuất khiếu nại nếu sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.  - Hình phạt và trách nhiệm pháp lý: Đặt ra các biện pháp hình phạt và trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc đối với việc vi phạm các quy định về chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Điều này nhằm đảm bảo sự tuân thủ và tăng cường sự chịu trách nhiệm của tất cả các bên liên quan.  - Hỗ trợ và khuyến khích nâng cao chất lượng: Xây dựng các chính sách và biện pháp hỗ trợ và khuyến khích người sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp thông tin, tư vấn và đào tạo về quy trình sản xuất và quản lý chất lượng.  - Hợp tác quốc tế: Thúc đẩy hợp tác quốc tế về chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Điều này có thể bao gồm việc tham gia vào các hiệp định quốc tế về chất lượng, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, và hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển. | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Đà Nẵng, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ  *(10 cơ quan)* | Các nội dung khác | - Để đầy đủ và bao quát hơn các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong giai đoạn mới; đề nghị bổ sung thêm một số nội dung:  Đề nghị bổ sung một chương quy định về các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý chất lượng, liên quan đến các nội dung chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, như công tác thiết lập, quản lý, khai thác về: cơ sở dữ liệu điện tử về TXNG, đánh giá sự phù hợp, thừa nhận lẫn nhau; quản lý chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; áp dụng công nghệ số trong kiểm tra chất lượng... | - Hiện nay, Bộ KH&CN đang dự thảo Đề án chuyển đổi số ngành TCĐLCL và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành trong thời gian tới, các nội dung kiến nghị của Khánh Hòa sẽ được giải quyết trong quá trình triển khai Đề án |
| - Điều 23 Luật Chất lượng SPHH: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cho thống nhất quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng giữa Luật CLSPHH với Luật TCQCKT (quy định tại Điều 62 Luật TCQCKT, Điều 24 NĐ 127/2007/NĐ-CP). | - Tiếp thu |
| - Nhất trí với nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch. Tuy nhiên, cần làm rõ trong dự thảo sẽ không quy định về thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài do thủ tục này không có nhiều ý nghĩa về mặt quản lý nhà nước; các nước nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam không có quy định yêu cầu hàng hóa phải có Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với việc sử dụng mã nước ngoài; thủ tục này phát sinh giấy phép con, gia tăng chi phí sản xuất, gây khó khăn cho doanh nghiệp. | - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP đã bãi bỏ thủ tục này |
| - Nên xem xét lồng ghép nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch vào Hạ tầng chất lượng quốc gia qua để thống nhất phân cấp và thẩm quyền quản lý. | - Đề nghị bảo lưu, nội dung về hạ tầng chất lượng quốc gia sẽ lồng ghép vào nội dung về triển khai các Hiệp định đã ký kết |
| - Đề nghị đơn vị nghiên cứu bổ sung các khái niệm về “tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận” và “tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định”. Lý do: Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đang quy định và hiện tại đang tồn tại 3 loại tổ chức: (i) tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký; (ii) tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận; (iii) tổ chức ĐGSPH được chỉ định. | - Đề nghị bảo lưu vì các nội hàm này đã được quy định rõ trong luật (Điều 25) |
| - Liên quan đến chứng nhận xuất xứ hàng hóa, để thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp nhập khẩu, đồng thời đảm bảo chống gian lận xuất xứ sản phẩm, hàng hóa, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về hướng dẫn cách thức thực hiện xác minh hoặc có danh sách các cơ quan, tổ chức của các nước trên thế giới cấp giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hóa được chấp thuận khi nộp hồ sơ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Theo đó, các cá nhân, doanh nghiệp nhập khẩu SPHH nộp giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ cho cơ quan kiểm tra, việc xác minh giấy chứng nhận cần quy định cụ thể gắn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan Hải quan, Bộ KH&CN, Bộ quản lý ngành … hoặc cơ quan có kinh nghiệm và dữ liệu …). | - Các nội dung về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan |
| - Tại Điều 45, bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp”. Cân nhắc việc mở rộng giao cho doanh nghiệp thực hiện, thực tế có thể phát sinh doanh nghiệp sẽ thực hiện nhiều vai trò: cơ sở nhập khẩu, cơ sở sản xuất, nếu thêm vai trò cơ quan kiểm tra chất lượng sẽ không khách quan | - Nghiên cứu tiếp thu |
| - Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu bổ sung các quy định về sử dụng mã truy xuất nguồn gốc và các tổ chức cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc vào dự kiến để cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | - Các nội dung này đang được nghiên cứu để quy định trong Thông tư quy định quản lý về TXNG SPHH |
| - Về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch, Hiệp hội DNNVV Việt Nam kiến nghị, cần quan tâm đến các quy định trong trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa các nền tảng thông tin TXNG trong nước với hệ thống GS1 và hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc quốc tế, để vừa đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế, vừa đảm bảo an ninh | - Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Thông tư quy định quản lý về TXNG SPHH |
| - Về cơ sở đào tạo đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam: các Bộ tiêu chuẩn ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17025 khá đồ sộ đòi hỏi phải có nguồn lực mới thực hiện được, đề nghị xem xét đưa ra một số nội dung chính để các tổ chức chứng nhận/thử nghiệm/giám định/kiểm định có thể thực hiện được. | - Dự thảo Đề cương đã đề nghị bổ sung nội dung về quản lý hoạt động đào tạo, Bộ KH&CN sẽ hướng dẫn thực hiện khi nội dung này được thông qua |
| - Bổ sung quy định về trình tự và thủ tục thực hiện kiểm tra chất lượng đối với SPHH, dịch vụ do đối tượng bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử để thống nhất, phù hợp với quy định đối tượng bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử được bổ sung tại gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1 Điều 1 Đề cương Luật sửa đổi | - Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
| - Bổ sung quy định trường hợp nào thì được áp dụng hình thức “thử nghiệm trọng tài/thử nghiệm kiểm chứng” để thống nhất, phù hợp với khái niệm về “thử nghiệm trọng tài/thử nghiệm kiểm chứng” được bổ sung tại gạch đầu dòng thứ 4, khoản 1 Điều 1 của Đề cương Luật sửa đổi. | - Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật |
| - Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm khoản sửa đổi, bổ sung Điều 58 Luật Chất lượng SPHH quy định về “chi phí chứng nhận” để phù hợp với nội dung: Bổ sung nghĩa vụ “chi trả chi phí chứng nhận” đối với một số chủ thể được quy định tại Điều 1 của Đề cương, gồm: (1) Khoản 8: Nghĩa vụ của người sản xuất; (2) Khoản 10: Nghĩa vụ của người nhập khẩu | - Đề nghị bảo lưu |
| - Đề nghị rà soát sửa đổi Mục 2 Chương II Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng) theo hướng viện dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thay vì quy định chi tiết do những nội dung này đã được quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. | - Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Rà soát với dự thảo Nghị định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm | Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ các quy định về quản lý nhà nước đối với hàng hóa nhập khẩu trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dự thảo Nghị định trên. | Hồ sơ đề nghị xây dựng luật đã nghiên cứu, đánh giá, đề xuất, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu để phù hợp với tình hình thực tế, thông lệ quốc tế và hệ thống pháp luật hiện hành |
|  | Bộ Tài chính |  | Các nội dung đề xuất mới đối với chính sách tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật:  a) Thực hiện chủ trương cải cách công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án “Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu”; trong đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai thực hiện 07 nội dung cải cách công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, cụ thể:  - Cải cách 1: Giao cơ quan hải quan là đầu mối trong kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa NK;  - Cải cách 2: Áp dụng đồng bộ 3 phương thức kiểm tra chặt, thông thường, giảm cho cả lĩnh vực kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm nhằm cắt giảm số lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra;  - Cải cách 3: Đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu;  - Cải cách 4: Thực hiện kiểm tra theo mặt hàng để cắt giảm số lượng các lô hàng phải kiểm tra;  - Cải cách 5: Áp dụng đầy đủ, thực chất nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu để bảo đảm vai trò quản lý nhà nước và nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp;  - Cải cách 6: Bổ sung đối tượng được miễn kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm;  - Cải cách 7: Ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin để triển khai mô hình mới.  Tại điểm b khoản 8 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg, trong giai đoạn 2 triển khai Đề án từ năm 2023 đến năm 2026, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật quản lý chuyên ngành và văn bản có liên quan, báo cáo các cấp có thẩm quyền theo hướng áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất và thống nhất đầu mối kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm là cơ quan hải quan”.  Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, bổ sung vào hồ sơ dự thảo Luật các chính sách để triển khai 07 nội dung cải cách theo chỉ đạo nêu trên của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 38/QĐ-TTg, đặc biệt quy định cụ thể về: nguyên tắc, thủ tục kiểm tra theo mặt hàng; áp dụng biện pháp quản lý rủi ro trong việc kiểm tra chất lượng hàng hóa để giảm số lô hàng phải kiểm tra; thống nhất đầu mối kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu là cơ quan hải quan, các Bộ, ngành vẫn là cơ quan quản lý về chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa sản xuất trong nước và thực hiện kiểm tra, thanh tra hàng hóa trong quá trình sản xuất, lưu thông trên thị trường; giao Chính phủ quy định các trường hợp hàng hóa được miễn kiểm tra và quy trình, thủ tục kiểm tra. Trên cơ sở các nội dung cải cách tại Quyết định số 38/QĐ-TTg, qua rà soát sơ bộ, Bộ Tài chính thấy cần sửa đổi các Điều 3, 27, 34, 35, 45, 70 Luật CLSPHH | Bộ KH&CN đã rà soát các nội dung liên quan đến Quyết định số 38/QĐ-TTg.  Theo Bộ KH&CN, hiện nay, Quốc hội tăng cường công tác giám sát việc thực thi các luật của các Bộ, ngành và địa phương. Không rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính được giao tại các luật để thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa, kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu. Nếu chỉ căn cứ vào Quyết định số 38/QĐ-TTg là chưa đủ. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 38/QĐ-TTg với mục tiêu thí điểm các biện pháp cải cách hoạt động kiểm tra hàng nhập khẩu để từ đó tổng kết, đánh giá kiến nghị sửa các Luật chuyên ngành.  Đồng thời, hồ sơ đề nghị xây dựng luật đã đề xuất sửa đổi, bổ sung việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa căn cứ trên mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; mở rộng đối tượng là cơ quan kiểm tra; đơn giản hóa thủ tục kiểm tra… |
|  | Bộ Công Thương | Các thủ tục hành chính cần triển khai trên Cơ chế 1 cửa | Về các thủ tục hành chính cần triển khai trên Cơ chế 1 cửa: Đề nghị quy định cụ thể các thủ tục hành chính này do Chính phủ quy định và công bố áp dụng chung cho các Bộ, ngành để phủ hợp quy định của Luật Ban hành VBQPPL, tránh tình trạng có Bộ công bố, có Bộ không công bố do vướng mắc về thẩm quyền.  Ngoài ra, một số thủ tục hành chính gây khó khăn cho công tác quản lý như xác nhận bản công bố hợp quy bởi cơ quan quản lý nhà nước. Đối với quy định này, đề nghị nghiên cứu theo hướng doanh nghiệp chỉ cần thông báo cho cơ quan nhà nước bằng văn bản về tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng của các sản phẩm hàng hóa hoặc thông qua hệ thống thông tin chuyển đổi số (không cần xác nhận của cơ quan quản lý). | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn luật |
|  | Bộ Tài chính | Đối với hàng dự trữ quốc gia | - Trong giai đoạn xây dựng, sửa đổi hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng dự trữ quốc gia, tạm thời chưa tiến hành chứng nhận hợp quy hàng dự trữ quốc gia. Tổng cục dự trữ nhà nước - Bộ Tài chính sẽ tổ chức đánh giá chất lượng hàng hoá trước khi nhập kho theo quy định.  - Đối với hàng có tính đặc thù riêng như tính thời vụ, phương thức mua gom, mua lẻ của người dân (như thóc) không thực hiện chứng nhận hợp quy.  - Đối với hàng dự trữ quốc gia đã được Bộ ngành quản lý nhà nước ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, vấn đề chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy quy định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ chuyên ngành quản lý và do các Bộ, ngành đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện.  - Đối với mặt hàng chưa đăng ký hợp chuẩn, hợp quy thì phải có giấy chứng nhận kiểu sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng dự trữ quốc gia và được kiểm tra bởi các cơ quan chức năng, phòng kiểm nghiệm được công nhận của Bộ chuyên ngành hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ.  - Đối với các mặt hàng dự trữ quốc gia không thuộc phạm vi quản lý của Bộ quản lý chuyên ngành hoặc các Bộ chưa ban hành quy định quản lý hoặc đã ban hành quy định nhưng chưa đầy đủ thì cho phép xây dựng văn bản hướng dẫn quản lý chất lượng từng mặt hàng. | Đề nghị Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Dự trữ quốc gia |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia và quản lý dịch vụ đánh giá sự phù hợp | Đề xuất chính sách về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia là hết sức cần thiết. Theo Global Quality Infrustructure Index, chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam hiện nay đứng thứ 51 thế giới. Trong khi đó, tổng kim ngạch XNK của Việt Nam xếp thứ 19 thế giới. Như vậy, có thể nói NQI hiện đang tụt hậu, chưa đáp ứng được sự phát triển kinh tế của đất nước.  Để phát triển NQI, ngoài việc đầu tư cho trang thiết bị, nhân lực, xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, thì cần lưu ý chú trọng xây dựng thể chế và kỷ luật thị trưởng. Dường như trong thời gian qua, biện pháp quản lý các đơn vị ĐGSPH của Nhà nước vẫn tập trung vào việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục đăng ký nhiều hơn là bảo đảm tính độc lập, khách quan của dịch vụ này.  Hiện nay, vẫn còn có tình trạng các đơn vị đánh giá sự phù hợp hoạt động chưa thực sự nghiêm túc, chưa bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực trong hành nghề. Tình trạng doanh nghiệp trả chi phí không chính thức hoặc các biện pháp khác để tác động vào kết quả đánh giá sự phù hợp vẫn còn tồn tại. Theo khảo sát của VCCI được thực hiện năm 2020, vẫn có khoảng 19,8% doanh nghiệp phản ánh việc chỉ trả chi phí không chính thức khi sử dụng dịch vụ ĐGSPH, chiếm tỷ trọng khoảng 22,3% trong tổng chi phí dịch vụ.  Điều này không chỉ gây nguy hại khi hàng hoá không bảo đảm an toàn, chất lượng được đi ra thị trường, mà về lâu dài có thể còn làm mất uy tín của các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam. Nếu kết quả đánh giá của các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam không được người mua ở nước nhập khẩu công nhận thì hàng hoả của Việt Nam sẽ gặp khó khăn khi xuất khẩu. Nhà xuất khẩu có thể sẽ phải thuê các tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước ngoài hoặc mời người từ nước ngoài về đánh giá với chi phí cao và mức độ sẵn có thấp.  Do đó, việc tăng cường kỷ luật, tính độc lập, khách quan, trung thực trong dịch vụ đánh giá sự phù hợp là một trong những vấn đề cần thiết và cấp thiết hiện nay. Trong khi đó, báo cáo tổng kết thi hành và các chính sách được đề xuất tại Dự thảo hồ sơ chưa đề cập đến vấn đề này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số vấn đề sau:  Thứ nhất, tổng kết về việc xử lý các đơn vị đánh giá sự phù hợp, trong đó cần bóc tách riêng nội dung về xử lý vi phạm do cung cấp kết quả đánh giá sai, thực hiện đánh giả không bảo đảm tính độc lập, khách quan và không thực hiện đánh giá nhưng vẫn cấp kết quả.  Thứ hai, nghiên cứu bổ sung các biện pháp giám sát đơn vị đánh giá sự phủ hợp để tăng cường tính kỷ luật của dịch vụ này. Ví dụ, có cơ chế ngẫu nhiên kiểm tra lại các kết quả đánh giá, kiểm tra đối chứng để phát hiện các trường hợp vi phạm tính độc lập, khách quan của dịch vụ. | Hiện nay, Bộ KH&CN đang xây dựng Đề án về hạ tầng chất lượng quốc gia, Bộ KH&CN tiếp thu trong quá trình hoàn thiện Đề án để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.  Đồng thời, Bộ KH&CN cũng đã dự thảo công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP, đã gứi lấy ý kiến các Bộ, ngành và đang tổng hợp để hoàn thiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ KH&CN tiếp thu ý kiến để bổ sung trong báo cáo Thủ tướng Chính phủ |
|  | Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam | Quyền của nhà sản xuất | Hiệp hội mong muốn bổ sung trong Luật hoặc trong văn bản hướng dẫn thi hành quyền của nhà sản xuất được các tổ chức quản lý chất lượng hỗ trợ công bố chất lượng hoặc sự hợp chuẩn các sản phẩm của doanh nghiệp ở mức cao hơn doanh nghiệp tự công bố. | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn luật |
|  | Tuyên Quang | Thủ tục công bố hợp quy | Tại khoản 2 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá quy định: Hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận,... Tại Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định 02 biện pháp công bố hợp quy: (i) Dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định; (ii) hoặc dự trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa nội dung của dự thảo Luật CLSPHH cho thống nhất, phù hợp. | Tiếp thu |
|  | Bộ Công Thương, Tuyên Quang  *(02 cơ quan)* | Về xử lý vi phạm hành chính | Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 38 đến Điều 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ 2020). Điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hành vi sung năm vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước".  Theo đó, đoạn 2 khoản 4 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước". Do đó, đề nghị rà soát về việc quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính của cơ quan kiểm tra và các chức danh có liên quan (Kiểm soát viên chất lượng, Đoàn kiểm tra) đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của Luật XLVPHC.  Tại điểm g tiểu mục 1.7 mục 1 phần I của dự thảo Tờ trình có nêu nội dung “Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020 có hiệu lực từ 01/01/2022 đã được sửa đổi nhiều điều khoản, do đó Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần thống nhất lại các điều khoản tránh chồng chéo nhau, đặc biệt về thời hạn xử lý". Tuy nhiên các chính sách đề xuất tại Tờ trình và nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung tại Đề cương chi tiết chưa thể hiện nội dung sửa đổi, bổ sung về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa (Điều 30, Điều 40 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) cho phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính.  Theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, việc kiểm tra chất lượng hàng hóa thực hiện theo hình thức Đoàn kiểm tra hoặc kiểm tra độc lập của kiểm soát viên chất lượng. Đối với hình thức kiểm tra theo Đoàn, Đoàn kiểm tra do thủ trưởng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa quyết định thành lập trên cơ sở chương trình, kế hoạch kiểm tra đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra đột xuất. Đoàn kiểm tra phải có ít nhất năm mươi phần trăm số thành viên là kiểm soát viên chất lượng. Kiểm soát viên chất lượng là công chức được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng thuộc cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đề nghị làm rõ cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được nếu tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là cơ quan nào làm cơ sở xác định cơ quan phải thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Vì hiện nay có nhiều lực lượng có chức năng phòng, chống, xử lý các hành vì gian lận thương mại, trong đó hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng (kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa chỉ là một nội dung của hoạt động kiểm tra) và đã có quy định riêng về quy trình kiểm tra của từng lực lượng. Trường hợp yêu cầu việc kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa phải tuân thủ quy trình tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa sẽ gây hạn chế, khó khăn trong công tác kiểm tra về chất lượng sản phẩm hàng hóa. | Tiếp thu |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Bổ sung 01 khoản điều chỉnh khoản 6 Điều 20 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa | Đề nghị bổ sung 01 khoản điều chỉnh khoản 6 Điều 20 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa đế quy định tổ chức đánh giá sự phù hợp có nghĩa vụ báo cáo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại địa phương về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dầu hợp chuẩn, dấu hợp quy (bên cạnh việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng); nhằm đảm bảo công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông và sử dụng trên thị trường được chặt chỉ, hạn chế rủi ro cho người dân. | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Nghị định 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Mục 2, Mục 4, Mục 5 Chương 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa | Tại các Mục 2, Mục 4, Mục 5 Chương 3 của Luật CLSPHH có quy định về việc xử lý vi phạm khi có kết quả thử nghiệm khẳng định sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Tuy nhiên, hiện Luật CLSPHH chưa có quy định việc xử lý khiếu nại trong trường hợp người sản xuất, nhập khẩu, bán hàng khiếu nại về kết quả thử nghiệm do các tổ chức đánh giá sự phù hợp ban hành. Do đó đề nghị có quy định cụ thể, thống nhất giữa các cơ quan kiểm tra trong việc giải quyết khiếu nại đối với trường hợp này. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Bổ sung quy định về “Khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa”. | Đề nghị bổ sung quy định về “Khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa”.  Lý do: Tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau: Trách nhiệm của Bộ KHCN quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 69 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, Dự thảo Đề cương không có quy định về nội dung “Khảo sát chất lượng SPHH”. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Bổ sung quy định về trách nhiệm bồi thường | Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm các quy định của pháp luật về chất lượng SPHH và xử lý vi phạm hành chính để phù hợp với các Luật hiện nay quy định về các nội dung này (do trong dự thảo Tờ trình có nêu nhưng trong dự thảo Đề cương không có). | Nghiên cứu tiếp thu (luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về bồi thường..) |
|  | Tp.Hồ Chí Minh | Bổ sung quy định xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kết quả ĐGSPH | Đề nghị bổ sung quy định về việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp. | Nội dung này sẽ được triển khai theo Đề án chuyển đổi số ngành TCĐLCL |
|  | Ninh Thuận | Thể thức và kỹ thuật trình bày | Đề nghị trình bày đúng theo quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 351/2017/NQUBTVQH ngày 14/3/2017. | Tiếp thu |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Lỗi chính tả | Rà soát một số lỗi chính tả, lỗi chế bản trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. | Tiếp thu |
| VI | Các nội dung bổ sung thêm vào các báo cáo | | | |
|  | Bộ Giao thông vận tải | Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã được Bộ GTVT ban hành liên quan đến Luật CLSPHH | Đối với Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã được Bộ GTVT ban hành liên quan đến Luật CLSPHH và hoạt động đánh giá sự phù hợp tại Mục số 3 Phụ lục I của Hồ sơ, đề nghị cân nhắc nên thống kê các văn bản quy phạm pháp luật có căn cứ là các quy định pháp luật liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Kon Tum | Bổ sung tình trạng hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành của các bộ, ngành liên quan đến Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa | Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung tình trạng hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành của các bộ, ngành liên quan đến Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp tại Phụ lục 1 để thuận tiện cho công tác tra cứu (một số văn bản đã hết hiệu lực như Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLTBYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương về hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn,…). | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Phụ lục I | Đề nghị bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch liên quan đến luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp:  1. Nghị định số: 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016  2. Nghị định số: 168/2017/NĐ- CP ngày 31/12/2017  3. Nghị định số: 36/2019/NĐ-CP ngày 29/04/2019  4. Nghị định số: 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019  5. Nghị định số: 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021  6. Nghị định số: 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021  7. Nghị định số: 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022  8. Nghị định số: 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022  9. Thông tư số 16/2013/TT- BVHTTDL ngày 25/12/2013  10. Thông tư số: 28/2014/TT- BVHTTDL ngày 31/12/2014  11. Thông tư số: 18/2015/TT-BVHTTDL 31/12/2015  12. Thông tư số: 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 8/11/2016  13. Thông tư số: 12/2016/TTBVHTTDL ngày 5/12/2016  14. Thông tư số: 09/2017/TTBVHTTDL ngày 29/12/2017  15. Thông tư số: 09/2017/TTBVHTTDL ngày 29/12/2017  16. Thông tư số: 15/2018/TTBVHTTDL ngày 14/03/2018  17. Thông tư số: 16/2018/TTBVHTTDL ngày 14/03/2018  18. Thông tư số: 32/2018/TTBVHTTDL ngày 5/10/2018  19. Thông tư số: 03/2019/TTBVHTTDL ngày 05/7/2019  20. Thông tư số: 07/2020/TTBVHTTDL ngày 15/10/2020  21. Thông tư số: 08/2019/TT- BVHTTDL ngày 03/9/2019  22. Thông tư số: 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021  23. Thông tư số: 05/2021/TT-BVHTTDL ngày 25/6/2021  24. Thông tư số: 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021  25. Thông tư số 05/2023/TTBVHTTDL ngày 05/4/2023 | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Hải Phòng | Phụ lục I | Tại mục 6, phẩn 7 về Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương: đề nghị thay “Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 23/3/2016 về kinh doanh khí” thành “Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí” (do Nghị định 19/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực). | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Lâm Đồng | Nội dung 3.1. Phụ lục I- VBQPPL hướng dẫn Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa | Tại nội dung 3.1. Phụ lục I - VBQPPL hướng dẫn Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, như:  1. Thông tư số 11/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định kiểm tra thiết bị tín hiệu đuôi tàu thay thế toa xe trưởng tàu trên các đoàn tàu hàng và Thông tư số 63/2015/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. 02 Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.  2. Thông tư số 40/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường sắt, đã được thay thế bởi Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.  3. Thông tư 39/2016/TT-BGTVT ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, đã được thay thế bởi Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 41/2018/TTBGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 hết hiệu lực bởi Thông tư số 12/2022/TTBGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GTVT | Nghiên cứu tiếp thu |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_